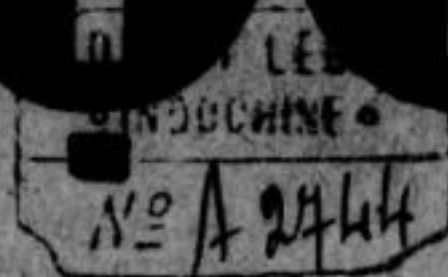


Năm thứ ba — số 30

1^{er} Janvier 1934

VĂN-HỌC

TẠP-CHI



Chủ - bút : Dương - Bá - Trạc — Chủ - nhiệm : Dương - Tự - Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông, 193

HANOI

Giá bán : một năm : 3\$00 — nửa năm : 1\$70 — mỗi số 0\$15

Jo 649511

<https://tieulun.hopto.org>

VAN HOC TAP - CHI

MUC LUC

1 -- Luận văn	1
2 -- Tui thoại	5
3 -- Khảo biện về khúc Cung oán ngâm II.-	10
4 -- Chú thích những áng văn cổ <i>Bài tự tình của ông Cao Bá Nha IV</i>	17
5 -- Một nhà đại văn hào nước Nga: Maxime Gorki	22
6 -- Dịch Hán văn: Thơ gửi cho Hàn kinh Châu	26
7 -- Vườn văn; Bước giang hồ	30
8 -- Văn thơ; cổ và kim	32
9 -- Tin tức trong làng văn	36
10 -- Sách báo mới	37
11 -- Một quyển sách mới: Người Sơn nhân	39
12 -- Dịch Pháp văn: La fuite de la Jeunesse	42
13 -- Hoa lục kết nghĩa (lịch sử tiểu thuyết)	45
14 -- Bóng trăng thu (đoản thiên tiểu thuyết)	49
15 -- Nửa tháng vừa qua	51
16 -- Những chuyện lý thú trên đàn văn	56

Kính thuốc



Nhà **TINH - KÝ,**

84.- 86, Phố Đầu Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc cận thị,
viễn thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoon
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ
giá rất hạ

hotel

TAM-KY

KHACH LẦU

Nº 7 à 27 BOULEVARD GALLIÉNI

Nº 67 à 69 COLONEL GRIMAUD

Nº 165 à 171 & 178 à 182 RUE

— BOURDAIS SAIGON —

GIÁ HẠ MÁT MẼ, VÀ SẠCH SẼ



Chủ nhơn: **HUYNH HUỆ KÝ**

VĂN-HỌC TẬP-CHÍ

LUẬN VĂN

Nước thì phải có văn chương, văn thì phải có pháp độ. Pháp độ nghĩa là phép tắc mẫu mực làm văn; mẫu mực ấy cần phải gộp vào một thứ sách riêng để cho người ta nhấm đó nghiên cứu và suy rộng mãi ra, rồi sau làra văn, xem văn đều có chuẩn đích, không đến nỗi sai lầm, mà dần dần tiến tới lên đến cõi hoàn thiện.

Văn chương là gì? Từ đâu mà sinh ra? Có trời đất mới có loài người, có loài người mới có tình tình, có tình tình mới có tiếng nói, có tiếng nói mới có chữ nghĩa, có chữ nghĩa rồi sinh ra văn chương, có văn chương rồi sinh ra học văn, có học văn rồi sinh ra trí thức, có trí thức mới nên được văn minh. Thế thì văn chương là gốc tự tình tình người ta, tự nhiên nhi nhiên, có pháp độ gì đâu.

Thế nhưng văn chương với học thức với văn minh lại đắp đổi làm nhân quả cho nhau: có văn chương mới sinh ra học thức, văn minh, mà văn minh tiến bộ chừng nào, văn chương càng giàu chừng nấy; đến đó, cảm tình người ta lại thêm phiền phức sâu xa, tiếng nói người ta lại thêm rồi rào trong bóng; nên văn chương không thể chặt hẹp sơ sài và mộc mạc như khi xưa

được nữa, tự nhiên sinh ra có lối lang cách điệu mà thành ra pháp độ. Pháp độ cũng gốc từ cái tính thiêng liêng của loài người, người nhận được cách này, kẻ biết được thể kia, rồi gộp lại thành qui củ chuẩn thẳng trong làng văn.

Nói vậy thì làm văn không ra khỏi được pháp độ hay sao? Không, không phải thế. Người làm văn trước hết có pháp độ làm chuẩn tắc, rồi nhân đó mà tưởng tượng biến hóa ra, có khi cần pháp độ, cũng có khi không cần pháp độ. Như vậy, không câu nệ pháp độ mà kỳ thực hành ra pháp độ cả. Người xưa có nói: « Thơ ông Đỗ-Phủ không phải là không có pháp độ, chính là thông dong tự do ở trong pháp độ mà thần minh biến hóa ra ngoài pháp độ vậy ». Tức là nghĩa ấy.

Tôi từng thấy nhiều người: tính cũng thích văn chương, cũng có bằng cấp nọ, bằng cấp kia, nhưng xem văn thì không biết ý tứ mạch lạc thế nào? Thế nào là hay là dở? Như xem một bài của ai thì cứ đọc chán đi cho hết, rồi chỉ múa miệng khen chê, nói liều nói lĩnh. Khi làm văn thì chấp chảnh đứt nối, viết rông viết dài, không ra dáng thứ mạch lạc gì; thậm chí viết cái thư nhà, nói chuyện nhà, cũng không gãy gọn rõ ràng gì cả. Hạng người ấy tệ tại không biết pháp độ làm văn, mà có tại không có thứ sách nói về pháp độ văn chương.

Văn chương với văn minh đã đắp đổi làm nhân quả cho nhau; không có nước nào có văn chương mà không tấn lên văn minh, cũng không có nước nào đã văn minh mà lại kém về văn chương. Sao nước ta từ đời trung-cổ về sau, từ trên đến dưới, vẫn cặm cùi vào một việc làm văn; nào hương, nào hội, văn chương không phải là không hay, pháp độ không phải là không đủ, mà không được gọi là văn minh?

Ấy lại lầm to không phải! Vô luận nước ta trước chuyên học chữ Hán không phải là quốc văn, mà văn bài cử nghiệp cũng có phải là văn chương đâu. Như

trên kia đã nói : Ta phải biết văn chương là gì ? Văn chương là linh khí của trời đất, tức là tâm hồn của một nòi giống ; dùng làm lợi khí truyền đạt tư tưởng cho xã hội, tức làm môi giới cho sự văn minh. Cho nên bất luận là văn tình cảm, văn triết lý, văn tự sự, hay hải văn, kịch văn cũng chẳng qua một là miêu tả những sự khúc chiết âm vi bao la phiền phức trong tâm cảnh loài người, hai là giảng diễn những cái điều khôn lẽ phải được mất hơn thua trên con đường nhân thế, ba là trừu dịch phát kiến những lẽ tinh thâm huyền diệu bí hiểm kỳ khôi ở giữa kho vũ trụ vạn vật. Thiên biến vạn hóa, thiên thái vạn trạng, ấy mới gọi là văn chương. Còn văn bài cử nghiệp thì chẳng qua mượn một vài câu nói người xưa làm đầu đề, rồi cứ bàn đi tán lại, thế nào cho hợp ý người ra bài là được ; mà pháp độ lại quá ư nghiêm khắc tế toái, để trói buộc tư tưởng và làm tiêu hao mất cái tính thiêng liêng hoạt bát của người ta. Sự ấy ai cũng rõ vậy.

Như nước Tàu thì sao ? Người Tàu từ cận - cổ về sau cũng bị cái tệ khoa cử và cái độc Tống nho bó buộc, nên tư tưởng một ngày một kém, văn chương một ngày một non ! Nghiệm như văn từ và lý luận của ông Vương Dương Minh, ở Nhật bản thì người ta sùng thượng biết bao, mà ở Tàu thì công kích không còn đề sức thừa ; thường thấy những pho sách in thơ văn cận-đại của Tàu, đại để những bài ý tưởng hẹp hòi, còn đến những bài có kiến thức lỗi lạc như văn ông Dương Minh thì không mấy khi ngó tới. Coi đó cũng đủ biết cõi văn học nước Tàu mấy trăm năm gần đây thế nào vậy.

Vậy chúng ta phải lưu ý về văn chương, nhất là về quốc văn, cốt gây dựng lấy một nền văn hóa chân chính của nước nhà cho vững vàng, cho tốt đẹp. Không phải học quốc văn mà bỏ bực văn nước ngoài đâu. Từ xưa tới nay, không ai lấy tính tình thanh âm của người làm tính tình thanh âm của mình, thì cũng không thể lấy

văn chương nước người làm văn chương nước mình được. Nếu ta có một nền văn chương đích đáng, rồi lại theo đuổi về văn chương người; có khi bắt chước văn người để thêm vào văn mình, có khi lấy văn mình mà gộp lặt những điều khôn ngoan lợi ích trong văn người; như vậy, cõi văn học càng mở mang, đường văn minh mới tiến bộ.

Tuy nhiên, quốc văn đang thời đại ấu trĩ này, còn đương phân vân lộn xộn, chưa có qui củ nhất định, không có cơ sở vững vàng; muốn đạt tới mục đích cao xa chưa dễ bàn vội. Thiết tưởng những người Hán học hay Pháp học rộng rãi, có tiếng trong làng văn bây giờ cũng nên gia công soạn những sách bàn về pháp độ văn chương. Dần dần xuất hiện các bản riêng cung cho hậu học nghiên cứu, tùy ý theo tính tình thích hợp mà lựa chọn, rồi nhân đó mà lĩnh hội và suy rộng ra. Hoặc là hợp sở trường các bản lại mà chiết trung thủ xả, tự tìm ra thước ngọc khuôn vàng. Đến khi cầm bút làm văn, dần dà có thể thông dong tự do ở trong pháp độ mà thần minh biến hóa ra ngoài pháp độ vậy.

Cái xã hội ương lai là gốc ở nơi xã-hội hiện tại. Văn chương có phát đạt phong phú thì học giới mới mở mang, tinh độ quốc dân mới tấn tới. Cái cõi vàng biển gấm ở trong ước ao mong mỏi bấy lâu, biết đâu là không tự nền quốc văn ta gây dựng nên...

VÂN-HẢI



THI THOAI

Thơ mà dùng những biểu-tượng (*symbole*) để phổ-diễn ý mình cũng là một lối đặc biệt. Lối này vừa hay lại vừa kín đáo, đọc lên nó có nhiều ý-nghị sâu-xa mà người thường ít khi hiểu thấu...

Cũng vì thế mà lối này rất được các thi-sĩ Pháp hoan-ngênh, và thịnh-hành nhất về thế kỷ thứ 18, đầu thế-kỷ thứ 19. Những nhà-làm thơ bây giờ như BAUDELAIRE, MALLARMÉ, VERLAINE, VERHAEREN v.v., v.v., và nữ thi-sĩ ANNA DE NOAILLES đều thuộc về phái tượng-trưng (*Symbolisme*) hết thầy.

Muốn nói một ý gì, bề tìm được cái biểu-tượng cho thực hay, thực đúng, thế là đã tạo được một bài thơ. Như bài thơ tuyệt-tác của SULLY PRUD'HOMME là bài « *Le vase brisé* » (cái bình vỡ) thì người Tây ai là người không thuộc lòng. Trong bài đó, SULLY PRUD'HOMME lấy cái bình vỡ làm biểu-tượng cho trái tim người ta khi thất tình. Cái bình vỡ đó thoát đầu chỉ là một cái vết dạn rồi khe khẽ nứt dần, người ngoài không ai để ý đến mà cảnh hoa cắm ở chiếc bình đó thì héo dần rồi chết. Nguyên-văn Tây như sau :

LE VASE OÙ MEURT CETTE VERVEINE
D'UN COUP D'ÉVENTAIL FUT FÊLÉ ;
LE COUP DUT EFFLEURER À PEINE.
AUCUN BRUIT NE L'A RÉVÉLÉ.

MAIS LA LÉGÈRE MEURTRISSURE,
MORDANT LE CRISTAL CHAQUE JOUR,
D'UNE MARCHÉ INVISIBLE ET SÛRE,
EN A FAIT LENTEMENT LE TOUR.

SON EAU FRAÎCHE A FUI GOUTTE À GOUTTE
LE SUC DES FLEURS S'EST ÉPUISÉ,
PERSONNE ENCORE NE S'EN DOUTE,
N'Y TOUCHEZ PAS, IL EST BRISÉ.

SOUVENT AUSSI LA MAIN QU'ON AIME,
 EFFLEURANT LE CŒUR, LE MEURTRIT :
 PUIS LE CŒUR SE FEND DE LUI-MÊME,
 LA FLEUR DE SON AMOUR PÉRIT.
 TOUJOURS INTACT AUX YEUX DU MONDE ;
 IL SENT CROÎTRE ET PLEURER TOUT BAS
 SA BLESSURE FINE ET PROFONDE ;
 IL EST BRISÉ, N'Y TOUCHEZ PAS.

Ông ĐÔNG-HỒ có diễn nôm ra một bài, theo thể trường-thiên cổ-thi, xin chép ra như sau này, để các đọc-giả thưởng giám :

*Bình hoa mã-tiên héo khô cành,
 Quạt ai vô ý chạm vào bình,
 Chạm phải cành hoa khe-khẽ nứt,
 Nhưng không tiếng động ai hay tình.*

*Gọi là khe nứt tí như thế,
 Ngày một ngày hai càng thấm thía.
 Vết thương ngày một ăn sâu vào,
 Dần dần nứt quanh cả bốn phía.*

*Thánh thót bên bình giọt nước rơi,
 Nhị nhạt hương phai hoa hết tươi.
 Nỗi ấy, người đời ai đã biết,
 Chớ động, bình kia đã vỡ rồi !*

*Thường tình người ta có khác chi,
 Phải tay người yêu chạm đến khi.
 Chạm đến quả tim tê-lái vỡ,
 Hoa ái-tình kia cũng héo đi.*

*Trông vẫn còn nguyên ai biết đâu,
 Vết thương kia nhỏ nhưng mà sâu.
 Lệ lòng mấy giọt âm-thầm rỏ,
 Bình vỡ ! ai ơi chớ động vào !*

..

Dùng những biểu tượng để phô-diễn ý mình trong lời thơ, ta đọc ở những phong-thi của ta thường cũng thấy nhiều câu ý-vị và lý thú vô cùng. Nhà làm thơ, như muốn than tiếc hoặc muốn chê bai một cô con gái mỹ-miệu lấy phải người chồng không xứng đáng ư, chỉ nói xa xa mấy câu :

*Tiếc thay hột gạo tám xoan,
Thồi nổi đồng điệu lại chan nước cà.
Tiếc thay hột gạo trắng ngần,
Đã vò nước đục lại vẩn than rom...*

hoặc lấy cây rau thai-lài là cái vật khinh mà chỉ người đàn ông ngu dốt đáng rẻ kia, lại lấy cái hộp triện là đồ quý làm biểu tượng cho cô gái đẹp nọ, hoặc ví việc phối-hợp không xứng đó cũng như thề con rồng vàng tắm vào nước ao tù thì không xứng :

*Hạt nước trắng mà đựng chậu thau,
Cái đẹp chữ triện đựng rau thai - lái.
Tiếc người da trắng tóc dài,
Mẹ cha ép gả cho người đàn ngu.
Rồng vàng tắm nước ao tù,
Người khôn ở với người ngu bực mình.
vân, vân ...*

Những câu phong nhã, ý-từ xa xôi như vậy trong thi-ca của ta thực không thiếu gì.

Những bài hát như bài « Con cò đi ăn đêm » thì thâm trầm biết bao :

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
— Ông ơi ông vớt tôi vào.
Tôi có lòng nào ông sẽ sáo măng.
Có sáo thì sáo nước trong,
Đừng sáo nước đục đau lòng cò con.*

Nói con cò, gặp lúc xa cơ thất thế, đã phải đi ăn đêm, chẳng may lại đậu phải cành mềm để đến nỗi

phải « năm chết, mười chết ». Nhưng dầu có phải chết chẳng nữa, cũng đành chịu chết. chứ nếu phải nhục thì không chịu. Chết mà vẫn muốn giữ được tròn cái bản sắc « trong giá trắng ngần », không để nhục, để tiếng xấu cho giòng giới mình, cũng như chuyện chàng *Cyrano* trong văn-chương Pháp, muốn chết một cách trong sạch không một tí gợn bẩn nào. Con cò đây là biểu tượng người thanh cao ở đời, dầu đặt mình vào nơi ô-trọc mà không phải nhiễm vào thói xấu xa cũng như con phượng hoàng là biểu-tượng chỉ người anh-hùng.

*Phượng hoàng gặp lúc treo leo,
Xa cơ thất thế phải theo đàn gà.*

Người anh hùng lúc chữa gặp thời thường vẫn lẫn lút trong đám thường - dân vậy. Nhưng mà :

*Bao giờ mưa gió thuận hòa,
Thay lông đổi cánh lại ra phượng hoàng.*

. . .

Đọc câu hát « con phượng hoàng » và câu hát « con cò » trên này, lại nhớ đến « con đại-bằng » của Baudelaire và « con hải-âu » của A. de Musset.

Trong bài thơ « *La nuit de Mai* », MUSSET lấy con hải-âu làm biểu tượng nhà thi-sĩ. Ôi ! « Thi-sĩ, trong khi mua vui cho kẻ sống một thời, người đã rút tâm huyết để hiến cho đời thì có khác chi con hải-âu đồ máu nuôi con nhỏ ». Đây cái kiếp thi-nhân !

(POÈTE. C'EST AINSI QUE FONT LES GRANDS POÈTES.
ILS LAISSENT S'ÉGAYER CEUX QUI VIVENT UN TEMPS :
MAIS LES FESTINS HUMAINS QU'ILS SERVENT À LEURS FÊTES,
RESSEMBLENT LA PLUPART À CEUX DES PÉLICANS).

Còn BAUDELAIRE thì ví nhà thi-sĩ như con đại-bằng. Đoạn đầu trong bài thơ, Baudelaire tả chim đại-bằng thì ở trên mây, tha hồ vùng - vẫy, cao bay đến muôn ngàn dặm mà sức nó vẫn hãy còn dư, . . . nhưng một

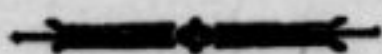
phen thất - thể phải ở bên lũ phàm trần kia, chẳng may bị chúng chòng ghẹo thì đôi cánh hùng vĩ nọ đã không còn có ích lại chỉ thêm vướng không đi được. Đến đó rồi Baudelaire mới chuyển sang đoạn khác mà tả cái thân-thể nhà thi-sĩ trên trường văn-mặc, lúc « đặc thời » thì rộng miệng cả tiếng, đến lúc « gió đổi chiều » thì « dỏ hơi đã chịu cho đời ghét, hay chữ đừng mong lắm kẻ khen » ; không những thế, mà trước những lời chế riễu của thiên hạ, nhà thi sĩ cũng phải lặng thinh.

Baudelaire thực là một nhà thơ có tài nhất của nước Pháp về thể-kỷ thứ 19. Trong một kỳ sau tôi sẽ lục mấy bài rất hay của tiên sinh để đọc giả biết qua « cái đặc-điểm » của một tay cự phách trong phái tượng trưng, dầu mang trộn cũng không lẫn được.

Tràng - Kiều LÊ-TÀI-PHÚNG



CÙNG CÁC NGÀI CÓ CẢM TÌNH



Còn mấy thứ báo này, bản-chí cần tìm mà chưa có :

- | | |
|--------------------------|-------------------------|
| 1. — Đảng cổ tùng báo | 2. — Đồng văn tạp chí |
| 3. — Công báo in ở Hanoi | 4. — Nữ giới chung |
| 5. — Khai hóa nhật báo | 6. — Dân báo in ở Hanoi |

Trong bạn đọc-giả ai có, xin gửi cho một số, bất cứ số nào, chúng tôi sẽ gửi biểu báo Văn-học hay một tư sách gì.

Nếu các bạn không có mà biết ai có cũng làm ơn chỉ giúp cho bản-chí, bản-chí sẽ viết thư thẳng đến. Đa tạ

V. H. T. C.

KHẢO BIỆN VỀ KHÚC
CUNG OÁN NGÂM

(Tiếp theo)

— *Cảnh hoa tàn nguyệt bực mình hoài xuân* (252)
và

Bóng đèn tà nguyệt dữ mùi ký sinh (260)

Cảnh hoa tàn nguyệt và bóng đèn tà nguyệt, tác-giả đặt những lời sống quá không thể tiêu được; huống bóng đèn tà nguyệt dữ mùi ký sinh thì là nghĩa thế nào?

— *Cảnh hoa lạc nguyệt minh đường ấy* (261).

Hoa lạc là hoa rụng, thì chữ nguyệt minh đây không phải minh là sáng mà tắt là chữ minh 冥 là mờ; còn chữ *đường ấy* thì trong bản nôm cũ thấy chép là *hôm ấy*. Trước kia tôi xem đến câu « cảnh hoa lạc nguyệt minh *đường ấy* », tôi vẫn cho là một câu tác-giả đặt một cách cầu kỳ không có gì thú. Nhưng nay xem đến câu « cảnh hoa lạc nguyệt minh *hôm ấy* » thì tôi sức nghĩ ra rằng : câu này có nhẽ tác-giả định vẽ ra cái cảnh cái tình trái hẳn với cái cảnh cái tình ở câu chữ nho « minh nguyệt thanh phong như thử lương dạ hà ? » (giăng trong gió mát, đối với cái cảnh thú đêm ấy lòng ta làm sao ?) Vậy thì chữ *đường ấy* thật là vô vị, đổi ra là *hôm ấy* (thử dạ) thì thấy cả câu nó trở nên có vị, vì nó ám chiếu vào câu chữ nho đã dẫn trên.

— *Lửa hoàng hôn như cháy tấm son* (262)

Hoàng hôn thôi lại hôn hoàng (263)

Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa (264)

Chữ *hoàng* ở cuối câu 263 trên này, nó làm cho mất vần cả đoạn, nó không theo vần với chữ *son* ở câu 262, lại không hiệp vần với chữ *buồn* ở câu 264. Vậy theo ý tôi đoán lấy nguyên ý của tác-giả, thì mấy câu ấy nó phải như thế này :

*Lửa hôn hoàng như cháy lấm son,
Hôn hoàng thôi lại hoàng hôn,
Nguyệt hoa thôi lại thêm buồn nguyệt hoa.*

Cuối câu lục phải là chữ hôn thì nó mới thương thừa hạ tiếp mà không mất vần. Cái lỗi mất vần ở đây không phải lỗi ở tác-giả mà chắc là bởi ở người sau sao chép không đúng.

— *Tình buồn cảnh lại vô duyên (267)*

Như ý tôi, cảnh lại vô duyên nên đổi là cảnh cũng vô duyên mới phải. Vì cảnh ngoài nó thường theo với tình trong mà biến đổi, tình vui cảnh cũng vui, tình buồn cảnh cũng buồn, cho nên câu này mới tiếp xuống câu dưới: « Tình trong cảnh ấy cảnh bên tình này », ý nói tình với cảnh « tương vi biểu lý ». cho nên « tình buồn cảnh lại vô duyên, không hợp và không hay bằng đem chữ lại đổi ra chữ cũng ».

— *Ai ngờ tiếng dễ ran ri ri (273)*

Sao không nói là dễ than ri ri? Than tức là kêu than. Đã dùng tiếng ran để làm trạng-từ (adverbe) cho tiếng dễ kêu rồi, lại dùng tiếng ri ri cũng là trạng từ nốt thì nghe sao được! Cho nên chữ ran ở đây tất phải là chữ than (động - từ) và « dễ than ri ri » đối với « quỳên kêu ra rả » ở câu 281 mới đích đáng.

— *Lạnh lòng nào thấy ủ ê (283)*

Tất cả các bản quốc-ngữ đều chép là ủ ê. Lạnh lòng nào thấy ủ ê, vô nghĩa vô lý không biết chừng nào! Trong bản *Cung-oán-ngâm khúc dẫn-giải*, ông Đinh-xuân-Hội lại giải-nghĩa câu ấy một cách võ đoán như thế này: « Ủ ê cảm động trong lòng, đây nói không ai thấy tình cảnh của mình mà thương đến cho ». Đinh tiên-sinh không xét võ được nghĩa câu ấy thì nên đánh một cái dấu-hỏi chứ giải nghĩa một cách liều lĩnh như thế sao nên! Vì giải nghĩa như thế sẽ buộc cái dốt cho cụ Ôn-Như vậy.

Thực ra thì câu ấy là: «Lạnh lòng nào thấy ỏ ẻ». Ỏ ẻ nghĩa là gì? là hỏi han thăm viếng. Nó nguyên ở một câu thành-ngữ; «nhìn nhõ ỏ ẻ». Chỉ vì trong bản nôm, chữ ỏ với chữ ử, đều viết bằng một chữ 塢 ở cả. Thế mà cái tiếng «ỏ ẻ» thì ít người biết, nó là một từ-ngữ ít khi dùng đến, thành ra người ta đều lầm hai chữ trên này là ử ẻ. Chính kẻ viết bài này trước kia ngâm văn Cung - Oán, cũng vẫn ngâm là «lạnh lòng nào thấy ử ẻ», song ngâm thì ngâm vẫn cho câu ấy là vô nghĩa, chứ không dám cưỡng giải như ông Đinh-xuân-Hội. May sao nhân hôm trước đây, được nghe một bà già trách mắng người con bất hiếu: «mày đi biển biệt, chẳng về nhìn nhõ ỏ ẻ gì đến tao!» Bấy giờ tôi mới giác ngộ ra mà tìm được nghĩa ở một câu văn hoài nghi trong Cung-Oán, tức là câu đã nói ở trên này vậy. Ý câu ấy thừa tiếp với mấy câu trên, nói người cung-phi nghe có tiếng giục ngoài tai, ngỡ là có mệnh vua vời, vội diễm phấn tô son mà đợi, ai ngờ đó là tiếng quyền kêu đêm vắng, chứ mình vẫn phòng không lạnh ngắt nào thấy ai nhìn nhõ hỏi han.

— *Ví sớm biết lòng trời đeo đẳng (289)*

Dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh (290)

Lòng trời đeo đẳng là thế nào? Cớ sao lại thuê tiền cũng chẳng buồn tênh? Cứ như ý tôi thì hai câu ấy một là bởi người sau sao chép sai nhầm làm sao, hai là hoặc cụ Ôn-Như đã lẫn quẩn mà làm ra hai câu ấy, chứ tôi không thể nào cưỡng giải ra nghĩa gì được. Thế mà trong bản chú - giải Cung-Oán, ông Đinh-xuân-Hội giải nghĩa như sau: «Đeo đẳng cũng như nói đeo đuổi, lẻo đẻo». Tôi xin hỏi ông: lòng trời đeo đuổi với lòng trời lẻo đẻo, nó có thành nghĩa lý gì không?

Ông lại giải nghĩa đến câu dưới: «Buồn tênh bởi câu kiếp người như thế nghĩ mà buồn tênh. Hay nói

nếu biết thế thì thuê tiền cũng chẳng chuốc lấy cái cuộc buồn tênh làm gì ».

Dẫu thuê tiền cũng chẳng buồn tênh, làm sao nó lại thành ra được cái nghĩa dẫu thuê tiền cũng chẳng chuốc lấy cuộc buồn tênh ? Thật là cưỡng giải hết sức !

Huống chi ông đã giải nghĩa chữ buồn tênh như thế, thì nó tức như buồn rầu, buồn tẻ, sao ông lại còn giải rằng :

« Chữ buồn cũng có khi chỉ nghĩa là thèm là muốn, chẳng buồn cũng như nôi chẳng thèm chẳng muốn ».

Đã đành rằng chữ buồn có khi chỉ nghĩa là thèm là muốn thật, như nói « không buồn ăn », tức là không thèm ăn, không muốn ăn. Thế nhưng là chữ buồn ở chỗ khác kia, bên dưới chữ buồn tất phải là một chữ động-từ. Chứ như đang này hai chữ buồn tênh, nghĩa nó đã đành đành là sự buồn tẻ của người ta, có sao ông lại còn cưỡng giải chữ buồn như vậy ! Vậy theo cách giải nghĩa của Đinh tiên - sinh, thì câu cung oán ấy có thể đổi ra như thế này : Dẫu thuê tiền cũng chẳng thèm tênh : hay là : dẫu thuê tiền cũng chẳng muốn tênh. Thử hỏi như thế nó có ra nghĩa lý gì không ?

Trong những bản nôm, tôi thấy có bản chép : « Dẫu thuê tiền cũng chẳng *màng tình* ». Tuy rằng tầm thường nhưng như vậy có lẽ lại còn thông nghĩa.

Còn câu trên thì đều thấy chép là « lòng giới đeo đẳng » Vậy nay tôi muốn bàn cùng các nhà trong văn giới : nếu ta không tìm được nghĩa của hai câu ấy thì ta thử đổi như thế này :

Vì sớm biết số giới lẳng đẳng

Dẫu thuê tiền cũng chẳng *màng tình*.

Các ngài tình sao ?

Cái hoa đã chót gieo cành biết sao ? (292)

« Gieo cành » là thế nào ? Có lẽ « treo cành » thì còn có nghĩa hơn. Treo cành là cái hoa đã chót treo mình

vào cái cảnh ấy rồi, không thể thiên sang cảnh khác được nữa. Còn gieo cảnh thì tôi không hiểu được nghĩa.

Giải kết điều ỏe ọe làm chi (298)

Cứ như câu Kiều : « vì dù giải kết đến điều », thì nghĩa chữ *giải kết* tựa như ta bảo : « nói đồ xuống sông xuống biển, tức là những khi ta nói câu gì không được tốt lành, thì ta phủ đầu bằng cái câu nói đại dột bỏ đi ». Vậy mà xem chữ *giải kết* ở đây thì thấy không hợp nghĩa ấy. Lại xem đến chữ *ỏe ọe* hay *ẻ ọe*, người ta thường hay dùng để chỉ một cái thái độ tham cầu không chán của nhi nữ, đòi thế nọ, muốn thế kia, nhưng đem dùng vào đây là ý thế nào ?
Đọc xuống những câu :

« Thà rằng cục kịch nhà quê (299),

Dầu lòng nũng nịu nguyệt kia hoa này (300).

thì thấy câu 298 tựa hồ như « *ỏe ọe làm chi* » nghĩa là *ỏe ọe* đòi lấy đến vua chúa làm gì, cứ lấy nhà quê cục kịch còn hơn, người cung phi tự than như vậy. Song nếu nó là nghĩa ấy thì đối với đoạn trên lại không phù hợp, vì đoạn trên nói người con gái đã toan lộn vòng phu phụ, nhưng vì giới chẳng cho làm, nên phải ngoảnh mặt làm thinh, thử xem con tạo gieo mình nơi nao, chứ nào có *ỏe ọe* gì đâu. Vậy thì câu 298, tôi thực hoàn toàn không hiểu nghĩa. Tôi không hiểu thì xin nói thực là không hiểu, chứ không dám bạo gan như ông Đình-xuân-Hội mà giải nghĩa rằng :

« *Ờ ọe* là tiếng người hát tuồng nghe không được rõ ràng. Đây nói nếu biết phận mình ra thế, cũng chẳng bày tuồng làm gì gì cho đến nỗi đã buộc (kiết) vào vòng mà lại muốn gỡ (giải) ra ».

Giải nghĩa như thế thì có ai phục tình được chăng?

— *Giọt hồng băng thấm ráo làn son (306).*

Bản nôm cũ thấy chép là *tươi héo làn son*, nghe phải nghe hơn. Ý nói giọt nước mắt đỏ lạnh điếng như băng, tưới mãi vào má hồng (làn son) làm cho héo hắt.

Sinh ly rất mực thì Ngâu (311)

Chữ « thì » ở đây nó chỉ là một trợ-ngữ. Ý nói sinh ly rất mực thì là vợ chồng Ngâu, vậy mà một năm còn được thấy nhau một lần. Bản của ông Hội chép chữ « thì » ấy là « thời », rồi bảo « thời » ấy là thời kỳ của chàng Ngâu ả Chức gặp nhau, như vậy tưởng cũng xuyên - tạc quá.

Chống tay ngồi ngẫm sự đời (331).

Có bản chép là « ngồi ngẫm » là phải.

..

Ấy đó, khúc Cung-Oán ngâm đầu là áng văn kiệt tác thật, nhưng tôi tìm ra được bấy nhiêu cái bệnh, bệnh bởi người sao chép sai lầm đã đành rằng có, mà bệnh tự tác - giả cũng không phải không. Nhưng đó là bệnh về văn chương, còn về ý nghĩa thì cũng có mấy chỗ đáng nên trách bị. Tức như những chỗ đem cái tình về sắc dục của người ta mà tả ra một cách sỗ sàng quá, khiến cho không khỏi giảm mất đôi chút cái vẻ phong tao của tập văn này đi. Như những câu này :

Cỏ cây cũng muốn nổi tình mây mưa (16)

Bệnh tề tuyên đã nổi lên đùng đùng (32)

Chốn phòng không như dục mây mưa (322)

Tôi không phải là không như những người khác vẫn phục Cung oán ngâm là một áng văn hay, một áng văn hay mà tôi không có tài làm nổi như thế. Song trong áng văn hay mà nếu có một đôi chỗ dở hoặc tối nghĩa không ai hiểu được, thì tôi phải chỉ vạch ra như vậy, để cùng các bạn trong làng văn bàn

xét dẫn đo. Có người bảo tôi rằng: Đối với những văn chương của cổ nhân, nhất là những văn người ta vẫn công nhận là hay, mà nay đem bàn ngang tán giọc như vậy thì sẽ có tội với cổ văn và với cổ nhân. Thưa rằng: ai nghĩ thế là lầm, chứ khảo hạch cổ văn, biện chính cổ văn, phát huy cổ văn, nếu giữ được ngòi bút thận trọng mười phần thì chính là có công, chứ sao gọi là tội được.

Trúc Khê NGÔ-VĂN-TRIÊN

Bài này trong kỳ báo trước, có chỗ tác-giả nói xem trong một quyển sách in cũ có thấy mấy chữ Liễu Khê Ôn như Công. Quyển sách in cũ ấy tên là « Nam-phong giải trào » trong chép những câu ca dao của ta dịch ra chữ Hán theo lối-kinh Thi.



BÀI TỰ TÌNH

Của ông Cao-Bá Nha



(Tiếp theo)

VI. — **Nỗi nhớ, mong, lo, buồn.**

Giấc thanh-dạ (92) *cơn say, cơn lĩnh,*

Ngày lưu niên (93), *khi lạnh, khi nồng.*

Phần du (94) *nẻo Bắc ngừng trông,*

Nước non cách mấy mươi trùng xa xa.

Câu lữ-cảm, *lệ hòa nét mực (95),*

Chữ gia-tình, thăm tắt (?) lòng son.

Mắt trông Vương-sán (96) đã mòn,

Tay đề Hương-tú (97) vẫn còn ngần ngại.

Tình ly-biệt thờ ơ gặp lại (?),

Mối ưu sầu gờ mãi chưa xong.

(92) *Thanh dạ* : đêm vắng vẻ. *Giấc thanh dạ* : giấc ngủ trong ban đêm vắng vẻ.

(93) *Lưu niên* : năm tháng đi mau như nước chảy.

(94) *Phần du* : cây phần và cây du, hai thứ cây thường giống ở chốn thôn quê ; nên người ta thường gọi chốn thôn quê là phần du.

(95) *Câu lữ cảm* : câu thơ vì cảm nỗi lưu lạc ở nơi đất khách quê người mà làm ra *Lệ hòa nét mực* : nước mắt rỏ xuống hòa với mực viết ; ý nói sầu thảm.

(96) *Vương-Sán* : một nhà văn về đời Tấn bên Tàu, có làm bài phú đăng 'âu, tả tình tự lúc đứng trên lầu cao mà trông về quê cũ.

(97) *Hương-tú* : một nhà văn về đời Tấn bên Tàu, có làm bài thơ nhớ quê cũ.

Lối oan trót mấy năm dòng,
 Ngày móng chữ găm, đêm mong chiếu vàng (98).
E dất khách, lỗ đường la-võng (99),
 Khép cửa Sài, dăm lỏng gót chân (100).
Bao nhiêu những sự xa gần,
Hư không phó mặc bụi trần bay đi.
Chữ nghĩa lý, lòng ghi, dạ tạc,
 Điều thị phi, mắt nhác, tai che (101).
Cô-trung (102) quyết giữ lời thề,
Đề hồn di-thề đi về cho an.
Nước Châu-thủy (103) đầy tràn buổi sáng,
Mây Na-sơn (104) bâng-lãng ban chiều.

(98) *Chữ găm* : chữ do dẹt găm mà thành.- *Chiếu* : mệnh lệnh của vua. *Chiếu vàng* là đạo chiếu viết vào giấy màu vàng. Câu này ý nói : ngày đêm mong đợi lệnh nhà vua tha cho mình.

(99) *La võng* nghĩa đen là lưới đánh chim và lưới đánh thú ; đây dùng nghĩa bóng, nói sự bắt bớ giam hãm.

(100) *Cửa sài* (sài = củi) : cửa làm bằng củi ; cửa nhà nghèo. *Lỏng gót chân* : lỏng là thả lỏng, không buộc lại ; ý nói : chạy đây chạy đó. Câu này ý nói đóng cửa ngồi nhà không dám đi đâu cả.

(101) *Thị* là phải, *phi* là trái ; *điều thị phi* là điều phải điều trái, điều khen điều chê. *Mắt nhác tai che* : mắt không muốn trông thấy (nhác = làm biếng), tai lấp đi không thềm nghe.

(102) *Cô trung* : lòng trung-trực không cần người ngoài biết đến, chỉ một mình mình hay (cô = một mình)

(103) *Châu-thủy* : tên con sông ở vùng ấy.

(104) *Na-sơn* : tên quả núi ở vùng ấy.

Có ai qua lối Hoạn-kiều (105),
 Cho nhờ gửi nhắn ít nhiều bi ai.
 Tình kiều-tử (106) hôm mai đặng-dặng,
 Hồn quan-sơn (107) mưa nắng dầu-dầu.
 Xa trông, lắm tã giọt châu,
 Gần trông, phải gượng mỗi sầu ngậm cay.
 Gối vò-vỡ đèn khuây (?) đêm vắng,
 Cửa lơ thơ rèm chắn ngày thâu.
 Cảm hoài, khi lựa mấy câu,
 Nghêu ngao đồng-tử tiêu sầu năm ba.
 Đuôi cón mắt châu sa thắm giã,
 Đầu ngón tay máu chảy pha son.
 Người đau phong cảnh cũng buồn,
 Thông gầy như trúc, cúc buồn như mai.
 Mỗi tâm-sự rối mười phần thảm,
 Gánh già-tinh nặng tám năm dư.
 Khi ngày mong bức xá-thư (108),
 Khi đêm than bóng, khi trưa hỏi lòng.
 Hương thề-nguyện khói nồng trước gió,
 Tờ tố oan (109) mở ngỏ giữa trời.
 Tờ oan kể hết bao lời,
 Hương thề sao chữa thấu nơi cửu trùng (110).

(105) Hoạn-kiều : tên cái cầu lối về Bắc.

(106) Kiều-tử : nghĩa đen : kiều = một thứ cây cao mà cành mọc ngang lên ; tử = một thứ cây thấp mà cành mọc rủ xuống. Nghĩa bóng là cha và con.

(107) Quan-sơn : cửa ải và núi non ; nơi xa xôi.

(108) Xá-thư : giấy tha tội cho một người.

(109) Tố oan : kể rõ nỗi oan uổng.

(110) Cửu trùng : chín lần (cửa) ; nói chỗ vua ở thâm nghiêm.

Ngâm đời trước vốn không oan irái,
 Sao kiếp này vương mãi gian truân?
 Lo xa thôi lại nghĩ gần,
 Thôi ngơ ngẩn bóng lại trần trọc khuya.
 Ngơ ngẩn nhẽ đường kia nổi nọ,
 Ngao-ngán thay phận nhỏ sâu to.
 Một mình riêng những dẫn đo.
 Thường tình nhi-nữ khôn dò sâu nông.
 Thôi dĩ vãng đã không kéo lại,
 Còn tương lai liệu phải đền bồi.
 Họa may cảm động đến trời,
 Lấy thân mà trả nợ đời cho thân.
 Dầu đầy kiếp phong-trần dám sá,
 Giải được lòng khuyển mã (111) là vinh.
 Một là mở tấm đan-thành (112),
 Hai là rửa tiếng nguyệt-bình (113) ché bai.
 Đề liên tỏ ngậm cười chín suốt,
 May gia khương (114) còn nối về sau.

(111) Khuyển mã : chó ngựa ; đây là nói bày tội đối với vua.

(112) Đan thành : lòng thành thực ; lòng son.

(113) Nguyệt bình : lời phàm bình ở chỗ làng xóm. Do tích ngày xưa về đời Hậu-Hán bên Tàu có anh em ông Hứa-Thiện Hứa-Tĩnh thường mỗi tháng mỗi xét các công chuyện trong làng mà bình luận khen chê, gọi là nguyệt đán bình.

(114) Gia khương : phúc nhà.

Hay ra, lại rạng cơ cừ (115),
 Hèn ra, sơn thủy tiêu sầu cũng khoan.
 Cho nên nổi gian nan sá kể,
 Liệu rồi ra tìm thể gỡ dần.
 Thôn trang (116) tìm thú ân cần,
 Một phần thể tử, hai phần thảo hoa.

(Còn nữa)

(115) *Cơ cừ*. Cơ = cái thúng ; cừ = áo cừ. Hai chữ ấy dùng để nói con cháu hay nối nghiệp cha ông, ví dụ con nhà thợ làm cung biết bắt chước cách làm cung mà uốn nắn tre đan thành cái thúng, con nhà thợ hàn biết bắt chước cha mà chắp vá các miếng da để làm áo cừ.

(116) *Thôn trang* : làng xóm; cảnh nhà quê.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC và DƯƠNG QUẢNG-HÀM



MỘT NHÀ ĐẠI-VĂN-HÀO NƯỚC NGÀ

MAXIME - GORKI

Ngày tháng mười tây năm ngoai, toàn-quốc Nga cử hành lễ kỷ-niệm đệ tứ-thập chu-niên về công cuộc hoạt động của nhà đại-văn-hào nước họ là ông Maxime Gorki. Hầu khắp cả các châu - thành, công - xưởng, các sở hàng không đều nhắc và nhớ đến danh tiếng ông; các đảng phái trong nước đều có đánh giầy thép đến chúc mừng. Chẳng những cả toàn-quốc Nga mới có sự sôi nổi cổ-vỗ ấy, thậm chí đến cả các nhà đại-văn-hào Âu-Châu cũng có rất nhiều người kính phục ông, tỏ ý hoan nghênh ông nữa.

— Tại sao Maxime Gorki lại được cái vinh-dự quý trọng đến như thế?

Muốn trả lời câu hỏi ấy, tưởng nên thuật cái tiểu-sử của ông, ở trong văn học giới thế nào đã. Cái đời hoạt động của ông ở trong văn học giới cũng như ở trong chánh-trị giới, trước sau chỉ lấy sức mạnh của văn tự làm nguyên-động lực để

tiến-hành. Ông dùng hết tinh-lực, dùng hết tâm-trí, đem cái lưỡi mà chống chọi với hoàn-cảnh, kết quả thì ra ông có địa vị lớn, có danh vọng cao ở trong văn học giới, cũng như Lénine là bạn đồng chí của ông, ở trong chánh-trị giới vậy!

Ông chính tên là Alexis Maximotich Techkoff Maxime Gorki chẳng qua là tên giả của ông, cũng như biệt hiệu riêng của mấy nhà văn-sĩ bên mình. Sinh ngày 14 tháng 3 năm 1869 tại xứ Nijni-Novgorod, Thân phụ là con một người lính, thân mẫu thì vốn ở trong hạng thứ dân. Trừ người bà nội của ông ra thì không có ai thương yêu ông hết. Năm ông 8 tuổi, ông qua làm tại một cửa hàng giầy, nhưng sau bị đuổi, mới trốn qua ở làm bếp trong một cái tàu lớn kia. Ông vốn là người ghét sách, khinh bỉ sách, mãi sau này được nhờ ông Michel Antonovitch Smouroff là một người đầu bếp, vốn

làm hạ sĩ quan trong đội vệ-binh ở chiếc tàu ấy khuyến khích ông, và hết lòng đem cái thú đọc sách mà giảng giải cho nghe. Ông mới bắt đầu ham mê sách từ đó.

Cuốn sách mà chính ông đã đọc trước tiên là cuốn *Légende d'un soldat qui sauva Pierre le Grand*. (Câu chuyện một người lính cứu vua Đại-bĩ-Đắc). Từ năm ấy trở đi, chính ông đã có lời tự thuật, là bắt đầu đọc hết thấy mọi sách lọt vào tay ông. Năm 10 tuổi, ông đã có ý biên chép hết thấy mọi cảm-tưởng riêng của ông vào Nhựt-ký rồi. Nhưng ở học làm bếp cũng không được bao lâu, ông liền trở về làm tại xưởng vẽ đứng bán những bức tranh ảnh các vị đồng-trình và đức bà, rồi lại xoay làm « gác » đường cho sở hỏa-xa, đóng vai học làm bánh cho một hiệu nhỏ. Thời kỳ ấy, ông thật là khổn đốn, thường hay cuốc-bộ đi lang-thang khắp cả mọi chỗ.

Năm 1888, ở Kazan, ông làm quen được nhiều học sinh, được họ cho vào dự

thính trong nhà hội quán học xá riêng của họ. Qua năm 1890, ông thấy tui mạnh danh là học thức ấy không ra gì, nên mới thất vọng bắt đầu đi du lịch. Ông nghèo không tiền đi xe, phải cuốc bộ đi chân không; tháng mười năm 1892 ở Tiflis, ông có đăng vào Nhựt báo *Le Caucase* một câu chuyện đoản thiên *Markar Tchondra* được nhiều đọc-giã hoan nghinh, đó là lần thứ nhứt ông bước chân vào báo giới và văn học giới đó. Tới Nijni, ông liền đem tiểu thuyết của ông đăng hết vào nhựt báo *Votiski Viéstnick* ở Kazan.

Năm 1895 là năm danh tiếng ông đã bắt đầu được nhiều người biết, báo *Rousskoie Bogustsvo* lãnh xuất bản sách *Tchelkache* của ông, rồi đến báo *Rousskaia Mysl* cũng in luôn cuốn « một sự sai lầm » của ông nữa.

Sau năm 1896 trở đi, ông không hay viết chi hết, vì chính ông đã cho là « đặc ý » rồi. Ông liền gác bút mà xoay qua đóng vai « cách mạnh » Nhưng chẳng may

cho ông. năm 1901, người ta tóm được ông. và đem ông an trí ở châu thành Arzamas. Năm 1902, ông được về, rồi quay liên lạc với đảng xã hội dân chủ nước Nga, lấy tờ nhật báo Iskra làm cơ - quan, do Lénine đứng chủ trương. Năm sau đảng này đổi ra đảng quá khích, ông cũng theo hiệp tác luôn.

Năm 1905. là năm phong trào cách mạng đang sôi nổi. ông đứng tổ chức tờ nhật báo Novaia Jizn, làm cơ quan cho đảng quá khích mà Lénine đứng phụ bút.

Tháng chạp năm ấy, ông thân hành đứng tổ chức việc khởi loạn ở Moscou (Mạc tư Khoa); qua năm 1906 ông lại thân hành đi qua Hoa kỳ đề quyền tiền về làm cách mạng. Chính lúc đi cò động ấy, ông có viết ra được bộ sách rất giá trị lấy nhan đề « người me »; sách ấy ở bên Tây tiêu thụ có đến hàng mấy triệu cuốn, nhưng sau bị Chánh phủ tịch ký và cấm không cho lưu hành.

Mãi sau, vì sức phản-

động quá mạnh, buộc ông phải xuất dương ký ngụ nhứt định ở bên Ý.

Tại đó ông viết và in ra được nhiều sách giá trị. Năm 1912 ông đăng rất nhiều đoản thiên vào nhật báo đảng quá - khích. Năm 1913, ông chuyên viết về mục văn - chương cho nhật báo Prosvechénie, cũng là cơ quan của đảng quá khích. Từ khi cách mạng rồi, ông còn ra được cuốn « Les Artamonoff » sau đến cuốn « Klim Samguine » thì đã lột được ít nhiều chân tướng của tinh thần xã hội sinh hoạt nước Nga về hồi sau rồi đó.

Trong một bức thư gửi cho Gorki Lénine có nói một câu như vậy : « Chính nhờ có tài cán của ngài, mà ngài đã giúp ích lợi cho công cuộc hoạt động của đảng lao công nước nhà không biết bao nhiêu, chính ngài còn có lợi ích lớn cho cả tương lai nữa ». Bình sinh Lénine thấy chỗ nào là chỗ còn kém của Gorki, cũng vui lòng phê bình, và đề lời khuyến khích mong cho một ngày một hoàn toàn; nên ngày thường,

dầu có kẻ phâm bình Gorki đến tai Lénine đi nữa, nhưng trước sau Lénine vẫn tin, vẫn trọng cái tài của Gorki không phải là tài tầm thường !

Về chỗ Gorki đối với Lénine cũng thế. Năm 1907 là năm hai người bắt đầu biết nhau, sau một cuộc hội nghị của đảng quá khích, thiết tình Gorki cũng tin và mong mỏi cho Lénine sẽ trở nên một tay cứng cỏi đứng đầu cho phái bình dân Nga.

Nhưng kẻ đối với Gorki có con mắt xanh như không phải chỉ riêng Lénine và cho đến cả Léonoff là một nhân vật trọng yếu lúc ấy cũng rất khâm phục Gorki nữa. Trong báo Ivestio (Moscou) Léonoff đã đề lời phê bình Gorki đại khái như vậy :

« Không có thấy một nhà văn hào Nga nào mà lại có cái óc bình dân quá như Gorki. Sách người viết ai cũng đọc, tên người ai cũng biết, mà có lẽ, bởi vì người do trong đám dân tộc chung đúc này, do trái đất lớn lao này mà nảy ra, đột ngột như một tảng đá, một khóm cây từ ở trung tâm của địa cầu mà đâm vọt ra vậy.

Không trái với lời nói hằng ngày ; không còn con đường gì khác hơn là chuyên tâm về cách mạnh. Cái ảnh hưởng của người đối với các nhà văn sĩ niên thiếu rất là lớn lao. Nhờ Gorki tiên - sanh mà các bạn thanh niên được cảm hóa về cái bộ mặt chính đính

Về câu nói rất nên êm ái, về cái tính chất đáng làm nền tảng cho nhân-cách, về hết thấy những lời vàng tiếng ngọc, đã có sức mạnh làm cho khoan khoái được cả đời niên thiếu, làm cho sung túc được cả văn học giới ; làm cái căn bản vô hạn cho việc giáo dục ngày nay. . . Cái người như Gorki thiệt không có thuộc riêng một nước nào cả Quả địa - cầu này là tổ quốc của người, nhân loại này là đồng bào của người chỗ hiểu biết của người, rất là đúng, chỗ kinh nghiệm của người rất là sâu, chỗ ghi nhớ của người rất là lạ. Người thường vui vẻ tươi cười luôn luôn, ít khi nóng nảy, làm việc chăm chỉ không biết mệt, đó là đặc tính của người ! . . » C. L.

Dịch Hán văn

THƠ[?] GỬI CHO HÀN KINH - CHÂU

của LÝ-BẠCH đời Đường

Lời dẫn. — Hàn Triều-Tôn tức là Hàn Dũ về đời vua Huyền-tôn làm chức thứ-sử đất Kinh - châu, được đời tôn trọng kinh phục lắm. Đây là thơ của Lý-Bạch đưa lên đề tự tiến.

X

Bạch tôi nghe rằng : những kẻ sĩ trong thiên hạ, mỗi khi ngồi lại nói chuyện, thường có câu nói : ở đời chẳng cầu chi được phong van hộ-hầu, duy chỉ cần được biết Hàn Kinh - Châu một lần cũng lấy làm thoả ! Vì sao mà Ngai khiến được người kinh mến đến như thế vậy ? - Hà chẳng phải là ngai bắt chước được cái thói cách ông Châu-Công mà làm cái việc nhả miếng ăn, quần mái tóc (1) đó vậy ? Khiến cho kẻ hào kiệt trong nước vội vàng chạy về với Ngai, mà một được vào cửa rồi thì thanh giá thêm lên thập bội. Vì thế cho nên những kẻ sĩ như con rồng khoanh, con phượng lãnh (2) cũng đều muốn được nhờ Ngai mà nên danh nên giá — Ngai không lấy mình giàu sang mà kiêu ngạo, không lấy người nghèo hèn mà khinh rẻ thì trong đám khách ba ngàn người hẳn là có Mao Toại. Nay

1. — Châu-Công nói rằng : Ta mỗi bận gội đầu phải ba lần quần tóc lên, mỗi bữa ăn phải ba lần nhả miếng cơm lật đặt chạy ra, đứng dậy tiếp đãi kẻ sĩ ; như thế mà còn sợ bỏ mất người hiền trong thiên hạ. Đây là lời Lý Bạch khen Hàn Dũ học được cái phong cách chiêu hiền đãi sĩ của Châu-Công

2. — « Con rồng khoanh, con phượng lãnh », nghĩa bóng là người giỏi chưa ra mặt, chưa có dịp bày tỏ cái tài của mình.

nếu khiến cho Bạch tôi cũng được bày cái mũi nhọn (3) ra thì Bạch tôi tức là người kia vậy.

Bạch tôi vốn là một kẻ áo vải ở đất Lũng - Tây, lưu lạc trong miền Hán Sở. Năm mười lăm tuổi đã thích nghề múa kiếm, trải biết khắp các chư hầu, năm ba mươi tuổi đã làm nên sự nghiệp văn chương, làm quen khắp các bậc khanh tướng, tuy chiếc thân không đầy bảy thước mà tấm lòng mạnh mẽ như muôn người, đối với bậc vương công đại nhân thường giữ khí nghĩa. Ấy cái chỗ lòng dạ tôi lâu nay là như thế, đâu dám không nói hết để Ngài biết.

Văn chương của Ngài sánh với thần minh, đức hạnh của Ngài động được trời đất; ngòi bút tả vẽ được hết chuyện tạo - hoá, học xét cùng hết lẽ trời chuyện người. Ước được ngài vui lòng không vì một cái xá dài (4) mà ngăn chảng cho vào rồi lấy tiệc sang mà đãi cho, lại để được ăn nói thông thả, thì ngày nào

3. — *Bình nước Tàu vây đất Hàm-Đan (đất nước Triệu), vua Triệu sai Bình nguyên Quân cầu cứu kẻ hợp-tung ở nước Sở. Những khách trong nhà Bình-nguyên-Quân định tuyển lấy 20 người đem đi theo. Đã tuyển được 19 người, không tìm được một người nữa cho vừa ý. Bấy giờ có Mao-Toại bước ra tự-tiến lấy mình; Bình-nguyên-Quân nói: « Kẻ sĩ ở dưới cửa ta lâu nay có khác nào cái dùi trong túi, nay tiên-sinh lấy cớ gì hay mà tự tiến mình như vậy » ? Mao-Toại đáp: « Nếu tôi sớm được là cái dùi trong túi thì đã chọc cái mũi nhọn ra từ lâu rồi ». Chuyển ấy đi, Bình-nguyên-Quân dùng Mao-Toại mà được thành công. Đây là nói Hàn-Dũ biết dùng người.*

4. — « Xá dài », là làm lễ thường không lay — Ý nói: Lý Bạch bảo Hàn-Dũ đừng vì một xá dài là cái lễ thường, mà không cho đến yết kiến.

Ngài muốn nêu muôn lời, vẫn cứ ngồi trên ngựa mà đợi (5)

Người trong thiên hạ bây giờ đều lấy Ngài làm trụ cột cho văn chương, làm mực thước cho nhân vật, được Ngài ban cho một lời phẩm đề thì liền nên được kẻ giai - sĩ. Ngài há có lẽ nào lại tiếc một thước đất trước thềm mà chẳng đề cho Bạch tôi được mở mang mày mặt, bày ở cái khí hăng hái mạnh mẽ lên trên mây xanh dư?

Ngày xưa, Vương Tử-Sur làm chức châu mục ở Dự châu, khi chưa xuống xe đã cho mời Tuân - Từ-Minh, khi xuống xe rồi lại cho mời Khổng-văn - Cử. Sơn Đào làm châu mục ở Ký Châu, gây dựng cho hơn ba mươi người, hoặc làm Thị trung hoặc làm Thượng thư; đời trước cho là một việc hay. Còn nay Ngài cũng có tiến Nghiêm - Hiệp - Luật vào làm chức Bithur lang, gần đây thì tiến bọn Thôi-tôn-Chi, Phòng-tập Tổ, Lê Hân, Hứa Huynh, hoặc lấy tài danh mà tri ngộ, hoặc lấy thanh bạch mà thưởng thức. Bạch tôi mỗi khi thấy bọn họ mang ơn Ngài, vỗ thân mình mà phẫn phát lòng trung nghĩa thì lấy làm cảm kích lắm, biết rằng Ngài đem tấm lòng son mà gửi vào bụng dạ kẻ hiền sĩ vậy. Vì thế mà họ không về mấy kẻ khác, lại nguyện đem thân đãi cho bậc quốc sĩ, nếu trong khi có cấp nạn dùng đến họ, tất họ dám liều thân mình như không.

Vả người ta không phải là Nghiêu Thuấn, thì ai đã chắc là tận thiện; Bạch tôi, nếu nói về việc mưu mô tính toán thì đâu dám khoe mình là giỏi, chứ như nói về việc làm văn làm thơ thì lâu nay cũng chưa

5. — Hoàn-Ôn đi đánh rợ Tiễn-Ti gọi Viên-Hoảng dựa trước đầu ngựa mà làm lời lộ bộ Trong khoảnh khắc, ngòi bút không dừng, Viên Hoảng đã viết đầy 7 tờ giấy nên bài văn tuyệt diệu. Đây là ý nói làm văn nhanh chóng, có thể ngồi trên ngựa mà đợi lấy bài văn được.

thành chồng thành đống rồi; duy muốn đem những bụi bậm ấy cho Ngài xem thì lại sợ đó là cái tử mị vụng về, e không vừa ý đại nhân chăng?

Nếu Ngài cho phép phô bày những cái rơm rác ấy ra thì xin ban cho giấy bút lại cho kẻ sao chép, rồi sẽ về quét chốn nhân-hiện viết ra dâng lên Ngài xem, ngô-hầu cây kiếm thanh bình, viên ngọc kiết-lục thêm được giá-trị ở cửa họ Tiết họ Biện (6) vậy.

May đoái đến kẻ thấp dưới này, mở lượng khen lao vẽ-vời cho Xin Ngài nghĩ lấy.

ĐÔNG-HỒ

6. — Thanh-Bình, tên một cây kiếm quý — Kiết-Lục, tên một thứ ngọc quý. Tiết Chúc xem kiếm tài. Biện Hòa người xem ngọc tài. Ý nói: Lý Bạch như cây kiếm, như hạt ngọc, nếu Hàn-Dũ là người biết được mà dùng đến thì càng khiến cho Lý Bạch thêm nhiều thanh-giá như cây kiếm quý, hạt ngọc quý ở cửa họ Tiết họ Biện vậy.



VƯỜN VẪN

BUỐC GIANG HỒ

... Nghĩ mình đương là khách ở chốn đô hội phồn hoa, trên đàn văn mặc, giọng trống mở cờ, Nhị đồ Nùng xanh, từng đã dính duyên non nước. Lại nào lúc quê cũ quay cương, vườn xưa thăm thú, Nhuệ - thủy thuyền ai mấy lá, Hương - Khê nước chảy bốn mùa. Xa trông mái cỏ, ruồi nhanh bước mau; vợ cười hơn hờ, sao chàng vắng lâu? con quanh sau trước, nào quạ thầy đầu? vườn tuy vắng chủ, noa vẫn tươi màu; cúc lung còn đỏ, đào lý chen nhau; muốn ăn gỏi tươi, nước ao không sâu; muốn uống rượu ngon, nhà sẵn lưng bầu: đoàn viên một hội, tâm sự và câu, vui sướng xiết là bao mà lo buồn đã biết là đâu!

Thế mà nay cảnh giới vân cầu, mặt đất tang thương nhà tan một khắc, mình dạt đôi phương; có khi quán khách, hết tiền cạn lương; có khi dặm xa, tốt đất cùng đường, thân mà đến thế, há chẳng nên buồn mà thực cũng nên thương. Chao ôi, cánh bèo mặt nước, lênh đênh trôi nổi biết bao miền, tình cờ đêm nay lại dạt đến khúc sông ấy, đậu trên cánh bèo này, thật là những sự dun dủi không ngờ, tưởng như trước đây dù mình có khi nào ngủ giải một giấc độ ba trăm sáu mươi năm ngày, cũng không thể nào lại có giấc mơ mộng như thế. Người xưa vẫn cho cảnh quán khách đêm mưa là cái cảnh nào người đến mực, thế mà nay mình trong cảnh ấy, lại thêm nổi lênh đênh trên làn nước bạc, sóng dưới ý ào, mưa trên rả rích, trên giới dưới nước, hòa nên một khúc nhạc bi ai.

*Trích trong tiểu thuyết « Mặt nước cánh hoa »
của NGÔ-VĂN-TRIỂN*

Nghĩa chữ 1.— *Đô hội phần hoa* : Nơi phổ phùng đông vui, hoa mỹ. 2.— *Văn mặc* : Văn chương bút mực. 3.— *Nhệ thủy* : Tức Nhệ-giang, con sông nhỏ ở tỉnh Hà-dông. 4.— *Hương Khê* : Tên một cái ngòi nước ở tổng Phương-canb, huyện Từ-liêm, chảy ra sông Nhuệ. 5.— *Cúc tùng* : Cây cúc cây thông. 6.— *Đào lý* : Cây đào cây mận. 7.— *Vân cẩu* : Mây chó, đám mây thoát chốc hóa thành con chó ý nói cuộc đời biến đổi. 8.— *Tang thương* : Đau bề, cũng nói sự biến đổi. 9.— *Đòi phương* : Đòi là nhiều, là mấy như nói đòi nơi. 10.— *Bi ai* : Buồn rầu thương xót.

* *

Ý văn.— Đoạn này tác-giả tả một người trong làng hàn mặc, đương là khách hào hóa ở chốn núi Nùng sông Nhị, phút gặp biến cố mà thành một kẻ lạc phách giang hồ. Khúc đầu tả với lại cái cảnh hào dật phong lưu ngày trước, khi ở Hanoi thì trên đàn văn mặc, giống trống mỗ cờ, lúc về thăm quê thì một đoàn thê nhi, mấy hàng tùng cúc, ao có cá tươi, bầu có rượu ngon, phong lưu vô tận mà vui thú vô cùng. Khúc giữa tả một cái cảnh sau khi ngộ biến, thành ra một tấm thân trôi dạt bơ vơ quán khách hết tiền, dậm xa giới tối, nếm đủ mọi mùi tan toan của con người lữ thứ. Sau cùng thì tả cảnh hiện được nằm trên một cánh bè giữa sông, lại gặp lúc đêm tối tầm mưa gió. Đọc mấy câu : « người xưa vẫn cho cảnh quán khách đêm mưa là cái cảnh nào người đến暮, thế mà nay mình trong cảnh ấy, lại thêm nổi lênh đênh trên làn nước bạc, sóng dưới ý ào, mưa trên rả rích, trên giới dưới nước, hòa nên một khúc nhạc bi ai », thực như vẽ ra cái cảnh huống tiều tụy, cái tâm sự bi thương của người lữ khách lúc bấy giờ.

T. K.



VĂN THƠ

THƠ VĂN CỔ

Thơ cụ Tam-Nguyên Yên-Đỗ

(liếp theo số trước)

GỬI CHO QUAN ĐỐC-HỌC HÀ-NAM

Ông làm Đốc Học mấy năm nay,
Gần đó thế mà tôi chẳng hay,
Tóc bạc răng long chừng bậc cụ.
Khăn thâm áo rộng cũng ra thầy.
Học trò kẻ chợ giàu năm miếng.
Quyển khóa ngày xưa có một chầy.
Bỗng lộc như ông không mấy nhỉ?
Ăn tiêu nhờ được cái lương tây.

BÀI THỨ HAI

Lâu nay không gặp nghĩ xa đường.
Ai biết rằng ra gửi mỗ làng.
In sáo vẽ cho thẳng mặt trắng.
Bẻ cò tính lại cái lương vàng.
Chuyện đời bầy đắp tai cái chốc,
Lộc thánh đừng lừa nạc bỏ xương.
Cũng muốn ra chơi chơi chữa được.
Gió thu hiu hắt đượm màu sương.

XIN VIỆC GIÚP ÔNG HÀO-BA (1)

Đôi đáp có làm chi, bằng trắc chả qua mười bốn chữ,
Chợ chiều không giám kê, thiệt hơn xin lấy một hào ba.

1) Quan Đốc Trần-như Sơn, quán xã Vụ Bản huyện Bình lục, là bạn với ngài.

2) Trong hạt ngài có ông Hào-Ba vì có việc quan tại nơi quan Tỉnh. Quan Tỉnh sai Hào-Ba về xin ngài nghĩ cho mấy đôi câu đối. Nhân đó ngài viết theo câu này đề xin Quan Tỉnh rộng lượng cho ông Hào-Ba.

ĐỀ THÁI-HÀ ẤP HANOI

Chen vai đề đệ một làng quan, nào giầy, nào dép,
nào ngựa, nào xe, nào nước cò chén rượu, nào mảnh
hát cung đàn, thú tự nhiên đặt sẵn gió giăng này, dầu
tử mạch hồng trần nhưng chẳng tục,

Mở mặt sơn hà trong đất nước, có quán, có đình, có
cầu, có chợ, có chủ khách ông xiêm, có kẻ thầy người
thợ, kho vô tận của chung giới đất nhĩ, lọ hoa viên
thủ uyên mới là vui.

NGUYỄN KHẮC-HỒNG

sao lục

THƠ VĂN KIM

I. — NHƠN LỄ NGHỈ MỜI BẠN ĐẾN CHƠI DÉGI (1)

Đề - gi phong cảnh ngắm xinh xinh,
Thợ tạo khen thay khéo tạc hình !
Chị gió thần thơ gành cát trắng,
Cô trắng thấp thoáng cụm dừa xanh.
Xuống lên ngọn nước chờ chào khách,
Qua lại con thuyền chực vẽ tranh.
Gặp lúc thanh nhàn vui rảo bước,
Non sông gần bó biết bao tình.

II. — VỊNH CẢNH DÉGI

(Thuận nghịch ngâm)

Trời xanh nước biếc sắc lâu lâu,
Trước áng trông ra gấm có màu.
Lời nhật tiếng ca người cuốn lười,
Vấn dài lời vịnh kẻ buông câu.

1) Dégi thuộc về tỉnh Bình-định (Trung-kỳ).

Khởi ngoài sóng dợn dầu ngan bờ,
 Vững rộng thuyền neo hãy gần sâu.
 Nơi chốn khắp mong xuân gió trái.
 Chơi vui đợi bạn thích về sau.

NGÔ-LÊ-TỔ tự HỒI-CHI

LỮ ĐÌNH NGẪU TÁC

(HÁT NÓI)

Đường đời ngoắt ngoéo, miệng thể chẻ bai, cảnh nhân thể nghĩ càng chán nản; gió bắc lạnh lùng, thuyền ngư lững đững, cuộc sinh nhai phó mặc xoay vần. Huống chi một nhà giáo, tiền không, thể yếu, nay ở đây, mai ở đó, đổi thay cũng ở tay người biết sao. Vậy có mấy câu cảm tình làm cái thú tiêu khiển trong lúc đêm trường quặng vắng.

Bốn bức nhà tranh, một bầu Lý, Đỗ, ai tri âm đó mặn mà với ai! Họa chẳng chỉ có văn-chương làm tiêu khiển được cái buồn ở chỗ quê người đất khách.

Mình mang mũi lái bề đào, một đêm lữ huống biết bao nhiêu tình. Cảm xúc nên chương, cũng chẳng biết rằng hay hay dở!

Mưỡu

Chen vai chọi với nhân quần,
 Hai lần trưởng-giáo, một lần tá-viên.
 Sắc phong phó mặc cơ huyền,
 Còn nhan sắc ấy, còn duyên phận này.

Nói

Người tuổi tác vẫn đua chen cùng lũ trẻ,
 Dầu sắt, xương, khôn mề lưỡi dao vàng.
 Mười tám thu, trái bốn học đường,
 Đem thân thể mà xoay lương cùng tạo hóa.

Bỉ hà nhân dã, ngã hà nhân dã ?
Mảnh kiên chinh, chẳng đá cũng như đồng.
Thói nhà nho, vẫn có tính nông,
Hỏi thiên hạ như ông còn mấy kẻ ?
Bất thị thiên dân tư đạo ký (1),
Riệc ủng lão phổ thụ nhân mưu (2),
Chi ngã dã, vị ngã tâm ưu,
Đêm khuya khoắt, ai thức lâu thì mới biết.
Bước thể lộ chẳng xuy hơn quán thiết,
Thói Tề nhân, mình chiết hẳn không làm.
Giang san đâu cũng giang san !

TÙNG TIẾT LÃO PHU

-
1. — Chẳng phải là bậc dân nhà giới gánh vác việc thế đạo.
2. — Nhưng cũng là một ông già làm vườn chăm giồng lấy nhân tài.



^{tin tức} ◦ **TRONG LÀNG VĂN** ◦

Ông André Malraux được phần thưởng Goncourt

Độc-giả đã biết mỗi năm tới kỳ tháng chạp, thì viện Hàn-lâm Goncourt của nước Pháp phát thưởng cho một cuốn tiểu-thuyết xuất sắc trong mỗi năm.

Phần thưởng này tuy chỉ 5000 quan thôi, nhưng nó có giá-trị lớn nên các nhà văn tranh nhau dữ lắm. Thật là một trận văn chương chiến tranh.

Phần thưởng Goncourt năm nay phát cho nhà tiểu-thuyết trứ danh André Malraux, về cuốn La « *Condition humaine* » (Thân phận loài người) tả những cái khổ tâm của người ta ở trong nước Trung-hoa cách mệnh.

Ông André Malraux là người có văn tài lỗi-lạc, năm nay mới có 32 tuổi, mà đã du lịch hầu khắp thiên-hạ nhất là Á-Châu, ông du lãm quan sát nhiều hơn hết, và đã viết ra nhiều cuốn sách có giá trị rồi, ví dụ như cuốn « Những nhà chinh phục » (*Les Conquérants*) và cuốn « Vương-đạo » (*La Voie royale*).

Mấy năm trước, ông qua Đông-dương lên thăm cảnh Đế-thiên Đế-thích bên Cao-mên, tìm ra được một ít dấu tích, ông toan đem về một ít tượng phật và đá xura, thì bị phát giác, thành ra một vụ án rất huyền náo. Nhiều nhà văn sĩ đại danh bên Tây cùng nhau ký một cái đơn thỉnh nguyện, hình như có ông Anatole France ký tên đầu hết, xin bỏ việc kiện này cho ông Malraux, vì ông ta là nhà văn thanh niên thiên tài, phải nên lượng thứ.

Vụ án này, sau về Tây, tòa bác bỏ đi vì trong đó còn thiếu ít nhiều giấy tờ chứng cứ quan hệ, chuyện lấy đồ xura này có liên can đến chính-trị ở trong đó nữa.

Sau vụ này, ông ở lại Saigon cùng ông trạng-sư Monin làm báo *Indochine*, nổi tiếng lắm dữ. Ông rất có cảm tình và có lòng thương người Annam lắm.

Về sau tuy ông từ giã Đông-dương mà về Paris nhưng mỗi khi có việc gì quan hệ đến tình cảnh của người Annam, ông thường nhắc nhớ hô hào luôn. Tức như mới rồi, có ủy ban đại xá do ông Romain Rolland lập ra cũng có ông dự vào, đề yêu cầu cho chánh trị phạm Annam được đại-xá.

Vừa đây ông có một bài trong tạp-chí *Marianne* đề cái tựa rất thâm thiết là S. O. S. tỏ ý kêu cứu giùm cho người Annam.

Trong đó ông có thuật mấy cái án tiết hàm oan rất là cảm động, chắc ai đọc báo *Marianne* cũng đã đọc qua bài này.

Một nhà văn-tài lỗi-lạc, một người có cảm tình với dân Annam ta, là ông André Malraux, nay được cái vinh dự lãnh thưởng Goncourt thật là xứng đáng lắm.

Sự nghiệp văn-chương của ông còn cao xa tấn tới, chờ không phải chỉ có bấy nhiêu mà thôi đâu. Hiện thời ông đang viết cuốn sách nói về đầu hồi là việc xảy ra ở nước Pháp và ở nước Ba-Tur.

Đ. N. N.

Sách, báo mới

Mấy tháng trước, bản chí đã giới thiệu quyển « *Tần cung Oán* », do ông Phác-Trung Ngọc sao lục và giải thích, nhà in Tiếng Dân ở Huế xuất-bản. Vừa đây lại tiếp được các ông Ưng - Trung, Ưng - Lão, cũng gửi tặng cho một quyển. Quyển này, các ông sao lục và dẫn giải bài văn cổ « *Tần - Cung - Oán* » (xin đừng lẫn với *Cung Oán* ngâm khúc), nhưng giải và đủ hơn, các ông đề nhan là « *Tần cung nữ oán bá công văn* ».

Hãy xin cảm ơn các nhà tặng sách, còn về tập văn cổ này, đợi một kỳ sau bản - chí sẽ có bài nói đến.

Báo « **La Vie Indochinoise** », ngày 16 Décembre 1933 : đã xuất bản. Như chúng tôi đã nói, báo này chuyên về chính trị và văn học, nên ở số đầu chúng tôi thấy có đăng nhiều bài hay, vui, và rất đáng đọc về hai phương diện ấy. Về hình thức thì báo này xếp đặt coi đẹp mắt lắm có lẽ ở Bắc, chúng tôi chưa thấy có tờ nào in rõ ràng và đẹp như thế.

Vậy xin vui lòng giới thiệu cùng các đọc giả.

...

Báo Bạn-Trẻ đã ra đời. — Báo này do ông TÒN-THẤT-MINH làm chủ - nhiệm, mỗi tuần lễ xuất-bản vào ngày thứ tư. Tòa báo ở số 70, phố hàng Đồng, Hanoi. Giá báo một năm 1\$80 — Sáu tháng 0\$80.

Bản-chí xin chúc bạn đồng-nghiep được trường thọ.

...

Tờ Zân-Báo của ông **Vũ Khắc-Thiện** bị cấm ba tháng. — Tờ Zân-Báo ở Saigon mới đây có nghị cấm xuất bản trong ba tháng.

Nguyên nhân chỉ vì những bài đăng ở tờ tuần báo ấy có tính cách kịch liệt.

...

Một quyển sách bị cấm. — Quyển « *Tư tưởng xã-hội* » của ông CAO-HẢI-ĐỆ viết bằng quốc ngữ do nhà in Bùi-văn-Nhân ở Bentre (Namkỳ) xuất bản vào năm 1933 này bị cấm lưu hành, bán và tàng trữ. Ai có quyển ấy nên hủy đi.



Một quyển sách mới

NGƯỜI SƠN-NHÂN

CỦA LƯU-TRỌNG-LƯ

Quylene Người Sơn-Nhân của ông Lưu-Trọng-Lư do Ngân-Sơn từng-thư xuất bản chưa đầy hai tháng nay mà đã gây nên giữa dư luận nhiều lời phẩm bình rất trái ngược nhau.

Một số ít độc giả cho là một quyển sách rất có giá trị, có thể kể vào bậc nhất trong những tác phẩm của văn-nghệ nước nhà trên khoảng vài ba mươi năm nay. Một số đông lại chê là lạt lẽo, không có gì.

Người khen, tôi hiểu vì sao mà khen, bởi chính tôi cũng nhận Người Sơn-Nhân là một quyển sách hay.

Nhưng giờ đây hãy xét vì sao có lắm người chê như vậy.

Thường tình người ta chỉ thích những cái gì làm cho mình vui hay làm cho mình cảm động. Người mua một chỗ ngồi trước màn chớp bóng hay người cầm quyển sách văn - thơ cũng thế. Ta cần phải cười để quên cái

nội dung một đôi khi không vui của sự vật. Ta cần phải cảm-xúc để lòng ta thoát ra ngoài vòng vị-kỷ chật hẹp, mà rung động vì những sự đau buồn của ai đâu . . .

Chính vì họ hiểu rõ cái tâm lý thích cười, thích khóc của quần-chúng mà mấy nhà viết văn hài-hước cùng mấy nhà viết tiểu-thuyết tình đã được hoan nghênh rất mực.

Trái lại, có một hạng văn-sĩ không phải không biết giá-trị câu văn vui có duyên hay cảm động ; nhưng lại có cái ước muốn buộc người xem phải suy nghĩ. Họ tham quá ! Suy nghĩ nào phải sở thích của người ta. Trong một trăm người xem chuyện Kiều, cảm động vì thân thế Thúy-Kiều, chưa dễ có một người nghĩ đến những câu hỏi có thể liên tiếp đến chuyện Kiều. Nguyên do : lười. Viết văn mà buộc người xem phải suy nghĩ mới hiểu cái hay thì khác gì bảo người xuống đáy biển tìm vàng. Dầu chắc

chấn đáy biển có vàng, cũng ít kẻ chịu khó lặn xuống tìm hươg nữa là không chắc.

Quyền Người Sơn-Nhân sở dĩ không được hoan nghênh một cách xúng với giá trị của nó cũng vì thế. Người ta gặp lúc nhàn rồi, nghe nói có quyền chuyện mới ra, cầm xem, tưởng đã nhờ đó qua một vài giờ khỏe khoắn, không lo, không nghĩ, thế mà gặp phải những chuyện có tính cách triết lý, nhắc lại hay bày ra trong trí ta những vấn đề xưa nay chưa hề giải quyết được, không thích là lẽ tất nhiên vậy.

Đó là chưa nói đến những người không thể thích, không thể hiểu, không thể tưởng đến những vấn đề ấy. Hạng này là phần đông.

Cũng đáng tiếc thực ! Một quyền sách có giá-trị như thế mà ít người hiểu quá !

Hãy khoan nói đến thơ mới và hai chuyện con chim sồ lông. Ly-Tao tuyệt vọng, chỉ nói một chuyện đầu, chuyện Người Sơn-Nhân thực tôi chưa hề thấy trong văn-giới cận-kim của ta một cái

tinh-thần sáng tạo mạnh mẽ và chắc chắn như vậy.

Tác-giả lấy trí tưởng tượng hòa với sự thực tạo ra một người có tâm tính lạ in mãi trong trí ta không sao quên được. Sơn-Nhân không giống ai hết hay nói cho đúng ra, Sơn - Nhân giống hết thấy mọi người. Sơn-Nhân tức là cái phần khí-khái trong tâm hồn mỗi chúng ta, cái lòng tự cao, cái máu giết người chung đúc lại mà hiện hình ra. Trong cái tâm tính Sơn-Nhân có cái gì hơi giống như cái quan niệm siêu-nhân của Nietzsche (Ni-Thê).

Sơn-Nhân không có thực mà không thể có thực. Thế mà trong trí ta hình ảnh Sơn Nhân lại linh-động hơn bình ảnh nhiều người có thực.

Giết người mà khoe ba ngày sau lưỡi gươm còn nức mùi máu thơm tho, vợ vô ý đánh rơi cái khăn thường quần trên đầu của mình mà toan đưa ra chém, đã bị nhốt trong nhà tù, bị xiềng xích, còn kiếm dịp « chặt » hại một con thần lẩn dạng thi hành cái thủ đoạn bình-sinh : giết. Ai xem

những đoạn ấy mà không nhớ mãi? Nhớ mãi vì khác thường. Khác thường mà vẫn không có gì miễn cưỡng; bởi vì vẫn ông Lưu Trọng Lư viết đoạn này tiếp sang đoạn kia một cách rất tự nhiên. Ông lại còn khéo dùng năm ba câu ngắn tạo ra những cái không khí (créer des atmosphères) thích hợp khiến dầu ông có kể những chuyện lạ lùng những chuyện ấy cũng hồ như tất nhiên phải có vậy.

Muốn cho độc-giả hiểu qua cái tài «tạo không khí» của người chép chuyện, tôi xin trích ra đây đoạn tả lúc đoàn thám hiểm gặp phải giờ tối ở giữa ngàn đêm:

Hôm thứ ba, đoàn thám hiểm đã bước được một bước dài về không gian, nhưng lại thụt lùi một bước rất dài về thời gian, hình như đã qua mấy trăm, mấy nghìn thế kỷ mà trở lại cái thời đại cổ sơ. Bốn bề cây cối um tùm, lại thêm những tiếng cộp găm, voi thét hòa lẫn nhau thành một tiếng gọi thiêng liêng mà ghé gớm, tiếng gọi của Quả Đất gọi Loài Người, lúc được

Thượng Đế ghi tên ghi tuổi vào pho lịch sử của Vũ Trụ.

Ông cố đạo — ở đây như chúng ta được gần Thượng Đế.

Con chiên — Riêng lòng con thấy ngom ngóp lo sợ.

Người cu ly — Thừa cha, ở đây con ngó rừng rú rậm rạp, e ngủ lại đây không tiện, chúng ta hãy tiến vào đoạn nữa, quang đãng hơn, ta sẽ đốt lửa lên mà nghỉ chân vậy.

Rồi đoàn thám hiểm cứ tiến mãi. Bấy giờ, trời đã tối mịt. Một tia lửa nhấp nhoáng ở đằng xa.

Con chiên — Hình như ta đã đến gần một ngôi chùa.

Cố đạo — ở vùng này không có dân cư ở, làm sao lại có chùa được?

Con chiên — Thừa cha! Đạo Phật là đạo yếm thế. Tín đồ nhiều khi chỉ là muông chim cây cỏ.

Cố đạo — Đạo kỳ quặc thay!

Mấy câu ấy thực đã khéo gợi ra một cái không khí nơm nớp sợ sệt. Trong cái không khí ấy mà gặp một nhân-vật lạ như Sơn-Nhân tưởng là thường vậy.

HOÀNG MỘNG GIẢI

DỊCH PHÁP VĂN

La fuite de la jeunesse

Ronsard

Quand je suis vingt ou trente mois
Sans retourner en Vendômois,
Plein de pensées vagabondes,
Plein d'un remords et d'un souci,
Aux rochers je me plains ainsi,
Aux bois, aux antres et aux ondes :

« Rochers, bien que soyez âgez,
De trois mille ans, vous ne changez,
Jamais ni d'état ni de forme :
Mais toujours ma jeunesse fuit,
Et la vieillesse qui me suit
De jeune en vieillard me transforme.

« Bois, bien que perdiez tous les ans,
En hiver vos cheveux mouvants,
L'an d'après q i se renouvelle,
Renouvelle aussi votre chef :
Mais le mien ne peut derechef,
Revoir sa perruque nouvelle.

« Antres, je me suis vu chez vous,
Avoir jadis verts les genoux,
Le corps habile et la main bonne,
Mais ores, j'ai le corps plus dur,
Et les genoux, que n'est le mur
Qui froidement vous environne.

« Ondes, sans fin vous promenez,
Et vous menez et ramenez,
Vos flots d'un cours qui ne séjourne :
Et moi, sans faire long séjour,
Je m'en vais de nuit et de jour,
Au lieu d'où plus on ne retourne . . . »

NGÀY THÁNG THOI ĐƯA

Vài mươi tháng chưa về chốn cũ,
Chỉ vẫn vơ ẽ ủ tắc sầu.

Cùng ai than thở vài câu ;
Non cao, rừng rậm hang sâu sông dài :

Kìa non cao nào ai đổi khác,
Và ngàn năm in tạc vết xưa.
Mà ta ngày tháng thoi đưa.
Khi đương trai trẻ nay vừa già nua.

Kìa rừng rậm tới mùa lá rụng,
Đông mới qua, xuân bỗng xanh ngay,
Đến khi mái tóc đổi thay,
Đầu ta để lại tóc mây được nào !

Kìa hang thăm ta vào, thửa trước,
Chân cùng tay vẫn được nhẹ nhàng,
Đông xưa, nay lại lần đường,
Lưng ngay chân cứng bức tường chơ chơ.

Kìa sông rộng trong mờ một dải,
Nước menh mông chảy mãi không ngừng.
Mà ta sống gửi có chừng,
Ngày đêm về chốn chưa từng dờ ra.

HOÀNG-OANH-NƯƠNG

**Biên nhận số tiền đã trả của các bạn đọc-giả
từ 1^{er} Octobre đến 31 Décembre 1933 (1)**



Cercle d'Etudes Franco-Annamite Quinhon mới	1\$75	Ng. văn Hay Giadinh mới	1\$70
Cao văn Có Bentre »	3.00	Ng. ngọc Báu Cánhthor »	3.00
Diệp n. Thức Quinhon »	3.00	Ng. văn Tòng Rạch Giá »	3.00
Đoàn đ. Thư Ninh Bình »	2.00	Ngô q. Mân Soái Riêng »	2.00
Huỳnh h. Ưởng Cánhthor »	1.50	Ngô văn Nghị Hà Tiên »	3.00
Hầu hàng Chánh Hué »	3.00	Ngô đình Đầu Mỹtho »	3.00
Hoàng như Mach Yênbay »	3.00	Ngô hữu Nghĩa Mocay »	1.00
Hồ văn Yến Bentre »	3.00	Phan đ. Thư Tourane »	1.70
H. Càn Kompongcham »	3.00	Phạm ng. Càn Phúphong »	1.55
Huỳnh Cao Ưởng Chợlớn »	1.70	Phạm Nghị Pleiku »	1.70
Huế Biện Mocay »	3.00	Phạm kh. Tư Namđịnh »	1.50
Hà Dương Komp. Trach »	3.00	Phạm văn Ngà Rạch Giá »	1.70
Kiều Ba 2 lần Phát Diêm »	3.00	Phạm văn Tuy Hongay »	2.00
Khai P. T. T. Vĩnh Long »	3.00	Quách Tấn Haut Donnai »	2.10
Lê kế Hưng Mytho »	1.00	S. E. Phạm Liệu Huế »	3.00
Lưu k. Quang Haiphong »	1.70	Thái xuân Quang Hué »	3.00
Lê thanh Đồng Cap S. J. »	1.00	Trần ngọc Mai Quinhon »	1.70
Lê đình Quýnh Saigon »	3.00	Trần v. Hữu PhnomPenh »	2.00
Lê công Hàm Phú phong »	3.00	Trần đ. Trinh Ưông Bi »	1.50
Ng. x. Phong Haidương »	1.50	T. Liễn Luang Prabang »	3.00
Ng. v. Thơm Phú yên »	1.70	Vương h. Sên Soctrang »	3.00
Ng. m. Khôi Quinhon »	1.00	Vũ Nghiêm PhnomPenh »	2.22
Ng. v. Sắt Cánhthor »	1.60	Vũ huy Hiền Ninh Bình »	1.70
Ng. Đóa Quảng Ngãi »	3.00	Ưng Trung Huế »	1.70
Ng. v. Mười Saigon »	3.00	Lê ng. Hanh Thanh Hóa cũ	2.00
Ng. Nhậm Cánhthor »	3.00	Trương t. Cầu Tuy Hòa »	4.00
Ng. quý Toàn Yênbay »	3.00	Lê hữu Cơ Huế cũ và mới	2.00
Ng. tri Hiền Hà Tĩnh »	1.70	Lê Cường Mytho » » »	7.00
Ng. trọng Tấn Thái Bình »	3.00	Ng. v. Sô Bắcliêu » » »	7.00
Ng. xuân Sanh Quinhon »	1.00	Vũ Roãn BắcGiang » » »	2.70
Ng. Ánh Rạch Giá »	3.00	Ng. Quang, Quảng Ngãi cũ và mới	2.00

1) Còn nhiều ông đến tòa báo giả đã có biên lai nhận tiền của bản-chỉ chủ - nhiệm thi không in vào đây.



HÒA LŨ KẾT NGHĨA

Lịch sử liêu thuyết

SOẠN GIẢ : DƯƠNG-BÁ-TRẠC

(Tiếp theo)

XXVIII

—Ừ thì giang sơn bờ cõi đã về người khác cả, ta cũng như các người. cũng tìm phương sinh lý qua ngày vậy; nhưng ta muốn các người theo ta đi cùng tỉnh phương thể làm ăn, ở đâu có thầy có trò, tình nghĩa xưa cũng thêm vui vẻ, chẳng hơn cô độc một mình, buồn bã khốn khó nhiều bề đư?

— Theo tướng-quân thì tôi cũng muốn theo, nhưng hiện nay tướng quân còn lặn lội giọc đường, chưa định nơi ăn chốn ở, tôi theo tướng quân biết làm gì ăn, biết ở đâu yên; chi bằng tôi đương yên ở chỗ này, sẵn đã có công ăn việc làm. Xin tướng quân cho tùy tiện.

Nguyễn tướng quân đứng hỏi chuyện tên lính ấy một hồi, tình chuyện nói vơ nói vắn mãi, sốt ruột quá, liền nóng tiết lên, hỏi phăng ngay rằng :

— Ừ thì người chẳng theo ta thì chớ; ta chỉ hỏi người một điều; người có nghe biết động - chúa ta ở đâu, hiện còn sống hay đã bề nào rồi?

Tên lính ấy làm ra bộ sững sốt, thưa lại rằng ;

— Khốn khổ ! tướng quân lại còn hỏi tôi rằng có biết động - chúa ở đâu ; động - chúa ở đâu thì chắc

tướng quân biết ; ấy tôi cũng vừa toan hỏi tướng quân tin đó.

Nếu ta đã biết thì còn phải hỏi người làm gì ; ừ ! người không biết thì thôi. Theo ta, người không theo, biết động chúa người cũng không biết. Thôi kiểu người, người đi đâu thì đi.

Người lính ấy thấy Nguyễn tướng-quân ra bộ phần uất lắm, biết là nhời nói thành thực, bèn thưa rằng :

— Xin tướng quân khoan gắt con ; con hãy xin hỏi tướng quân có biết Đình tướng - quân con bây giờ hiện đương ở đâu không ? còn sống hay có bề gì rồi ? và tướng quân cùng mấy thầy tớ định đi đâu bây giờ ?

Nguyễn tướng quân nói :

— Người đã không sẵn lòng theo ta thì còn hỏi ta đi đâu làm gì, và muốn biết chỗ Đình tướng quân ở làm gì. Nay, ta bảo thật, có đành lòng theo ta thì sẽ biết ta đi đâu làm gì và sẽ có lúc đến được chỗ Đình tướng quân ở.

Người lính ấy ngẫm nghĩ hồi lâu rồi thưa :

— Vâng, xin theo tướng quân đi, nhưng chỉ xin chớng chỉ cho chỗ Đình tướng quân ở

— Người làm nghề bán than kiếm ăn, cần gì lại nóng biết chỗ Đình tướng quân ở ?

— Bẩm, tôi có việc riêng muốn hỏi Đình tướng quân, nếu tướng quân biết chỗ Đình tướng quân ở, chỉ ngay cho tôi thì may quá !

— Việc gì nói với Đình tướng quân thì cũng có thể nói với ta được, trừ ra chỉ có người do thám được đích chỗ Đình tướng quân ở để tâu công với Lê-Hoàn mới phải dấu ta mà thôi. Nay, ta bảo thật, nếu có bụng ấy, thì đây ta đây, ta vui lòng cho bắt đem nộp Lê Hoàn lấy công, không việc gì phải đi lùg đi tới tới tam đệ ta là Đình tướng quân nữa !

Nghe đến câu ấy, người lính không sao cầm lòng được

nữa, ứa nước mắt khóc, sụp xuống lạy mà thưa rằng :

— Trăm lạy tướng quân, đương buổi vận nước truân triền, lòng người biến đổi, người giữ bụng trung thành thì ít, kẻ mưu cầu lợi lộc thì nhiều, thành ra chẳng ai tin ai, đến nỗi chỗ thầy trò cũ với nhau, mấy giảng li biệt, muôn giậm sấm thương, cơ trời run rủi, gặp nhau trong cơn điên báỉ lưu ly, mà thầy không dám tin trò, trò không dám nhận thầy, dè dặt đắn đo, nghĩ lại đứt từng khúc ruột. Trời ơi! con đi đây chỉ cốt tìm hai tướng - quân, trông thấy tướng-quân đã như đói được ăn, khát được uống mà đến khi giáp mặt phải nén nỗi lòng, cản nước mắt, vờ vẫn không dám nhận ngay, tưởng đau khổ đến thế là cùng! Thưa tướng quân, con ở chỗ động chúa mình đi tới đây, chính là phụng mệnh động chúa đi tìm hai tướng quân; nay được gặp tướng quân đây rồi; xin tướng quân cho con theo đi rảo bước tới chỗ Đình tướng quân, mời cả hai tướng quân cùng tới chỗ động - chúa mình hội hợp. À! mà tướng quân đi đây, chẳng hay vương-phi cùng vương-tử đâu, thiên tuế khương cường hay đã giữa đường vĩnh biệt?

Nguyễn tướng quân nghe nói đứt lời, mừng quá, khóc òa lên, vội vàng hỏi dồn rằng :

-- Thế động chúa bây giờ ở đâu? vẫn mạnh khỏe như thường đấy chứ? nói mau rồi đi. Đình tướng quân kia, vương phi kia, vương tử kia, mau mau, thầy trò ta đem tin động chúa về cho họ biết.

— Bẩm, động chúa đương khi tướng quân đã phò vương phi cùng vương tử đi trước rồi, liền kiểm điểm hậu quân rồi chầy ngay, đi đến giữa đường, bị phục binh giặc nổi lên chặn đánh, cả một đạo quân, kẻ chết người thương, kẻ lạc người chạy, chỉ còn động chúa với mười anh em chúng con quần quít đi cùng nhau, trốn được vào trong rừng rậm, cứ xuyên sơn mà đi,

đem kéo ngày phục, ra khỏi đất giặc mới giả làm trai sào thuyền lưới rông buồm ra Bồ-hải-Khâu vào yết kiến sứ quân Trần-minh-Công; Trần-minh-Công người rất khoan hậu nhân từ, trọng đãi động-chùa ta lắm; nghỉ ngơi ít hôm, động chùa ta được Trần-minh-Công giao cho thống lĩnh một đạo tinh binh hơn năm trăm người, uy danh một ngày một thêm lừng lẫy, động chùa vừa dạy chuyện chúng con: nay chỗ ăn chỗ ở đã yên, may ra có nơi dụng vũ được, làm sao tìm thấy hai tướng quân cùng hội họp cả tại đây để mưu khôi phục nghiệp xưa; liền sai con đi đây, trước là tìm tòi chờ thấy hai tướng quân, sau để đón ra cả đây. Hiện có mặt phù của động chùa, xin trình tướng quân hay.

Nguyễn tướng-quân so dùng mặt-phù, mừng rỡ vô kể, liền thuật hết đầu đuôi câu chuyện từ sau khi biệt động chùa thế nào cho người lính ấy nghe, rồi cùng nhau trở lại chỗ Đình tướng-quân ở.

(Còn nữa)



Xin các Ngài chú ý

Cùng một số báo này chúng tôi có gửi biểu các đọc-giả một cuốn sách nhỏ nhan là: « Cách viết chữ Annam bỏ dấu », trong có lịch 1934.

• X

Cũng cùng một lúc phát hành số này chúng tôi đã cho gửi sách tặng các Ngài được thưởng về cuộc thi đặc biệt sửa đổi chữ quốc-ngữ theo cái kết quả luận bố ở trang 373 trong V. H. số 27.

Dưới bóng trăng thu

(Đoản thiên tiểu thuyết)

Đêm rằm tháng tám.

Dưới gốc cây um tùm, ngồi trên chiếc ghế nhỏ, một nhà sư: anh Thanh-Tâm đang ngắm cảnh vật dưới bóng trăng thu... Anh nhớ lại thu nào đã làm cho anh âu sầu buồn bã. Rồi cái quãng đời quá khứ như diễn lại trong trí nhớ của anh:

Bốn năm về trước, khi anh còn giàu có, thì bạn bè lui tới hăng hà. Ngoài « cuộc vui đầy tháng, trận cười suốt đêm » thì khi xem hát, lúc tiệc trà, đâu đâu cũng bạn bè đông đủ. Hồi bấy giờ anh có một người tình nhân: Ngọc-Bích.

Người mới đẹp làm sao! anh còn tưởng tượng được cái miệng cười « nghiêng nước đổ thành », cái mũi cao, cái mặt trái xoan. Anh thương Ngọc-Bích mà anh tưởng rằng Ngọc-Bích thương anh.

Ái tình giữa đôi lứa thanh niên rất nồng nàn... Ngờ đâu... ngờ đâu mùa thu năm ấy, nhà hàng của anh làm, bị khánh tận: anh thất nghiệp.

Lúc đầu còn tiện tặn, nhưng đến sau, tiêu xài rộng rãi đã quen, anh không thể chịu nổi cái cảnh bần-túng ấy được. Anh đến nhờ các bạn, nhưng ai giúp mà nhờ. « Thớt có tanh tao ruồi mới đến, gan không mỡ mở kiến bò chi », cả đến người sắp bạn trăm năm của anh cũng hất hủi anh nữa. Ngày hôm ấy, cũng rằm tháng tám, vừa bước vào nhà Ngọc-Bích, anh nghe một câu hỏi rất đột ngột:

— Ông là ai, ông đến đây có việc gì?

Lấy làm lạ, anh đáp:

— Tôi đây mình.

— Ai quen biết ông. Ông gọi « mình » với ai. Ông

nói thế là phạm danh giá (!) của tôi. Xin ông ra khỏi cửa ngay!!

Không chịu nổi mấy lời nói ấy, anh liền quay mặt đi ra, trông trăng thu mà ngùi ngùi tắc dạ... Anh chán nản cuộc đời từ đó... Không màng đến đời nữa, anh xuất gia đầu phật.

.....

Bỗng bạt sương lạnh ngắt sa vào mặt anh. Anh giật mình, như tỉnh giấc chiêm bao. Rồi cái quặng đời dĩ vãng xóa hẳn trong trí anh... Anh thở dài...

Cạnh mình gió thổi rì rào, góc vườn dế kêu rì rì, trên đường tiếng chó sủa ma ..

Anh thở dài...

Thỉnh thoảng, tiếng nhận than thu văng vẳng, tiếng nhành cây rung động pha với tiếng chuông chùa đưa lại từ xa...

Anh thở dài...

Lững thững ra về, nhà sư lầm bầm:

« Cuộc đời là mộng-ảo ».....

Mùa thu năm Quý-Dậu
H. P. học sinh (Tourane)



NỬA THÁNG VỪA QUA

VIỆC THÈ GIỚI

TÌNH HÌNH NHẬT NGA

Từ khi Nhật-Bản chiếm cứ đất Mãn, hoành hành cõi Đông, chúng ta thường vẫn phải bất mãn về cái thái độ nhu nọa của nước Nga; vì thấy nước ấy chẳng những không tỏ ra ý phản đối cái bá-đồ của người Nhật mà thôi, lại còn thường thấy có tin Nga Nhật thỏa hiệp, và Nga định nhường lại đường sắt Trung-đông cho Nhật nữa. Song xét ra không phải là chính-phủ Tô Nga thực nhu nọa, bấy nay mà họ cùng Nhật-bản chu hoàn chẳng qua là phương pháp quyền nghị trong một buổi, tam lam ra mặt hòa hoãn, để tính kế của mình và kiên lòng bên địch, chứ đối với thái độ người Nhật, lẽ nào Tô Nga lại cam chịu đốn hèn như thế được ư? Quả nhiên ngày nay, sau khi Tô Nga đã chỉnh lý về đường ngoại giao, nào là giao hảo với mấy nước Đông-Âu, nào là kết thân với nước Hoa-Kỳ, thì ngày nay thái độ đối Nhật của Nga, đã lộ cái bản tướng ra rồi, cái bản tướng không chịu lui nhường người Nhật. Vì thế mà gần đây ở mặt cương giới phía đông, người Nga đã vận nhiều binh lính và khí giới đến; tình thế Nga, Nhật, mỗi ngày một càng căng thẳng, chưa biết cuộc đại chiến sinh ra lúc nào. Người Nga họ quyết không để người Nhật được tự do hoành hành ở Mãn-Châu, họ định cũng chiếm lấy đất Bắc Mãn để đối kháng với Nhật. Hiện nay ở biên giới Nga Mãn hai quân đã đều tuốt gươm nạp súng để chờ cái giờ vạt lộn nhau ở trên vũng máu, cuộc đại chiến Nga Nhật, khó lòng mà tránh khỏi được đâu.

Tình hình chính trị nước Tàu

Từ khi tỉnh Phúc-kiến độc lập, chính phủ Nam-kinh đã từng phái người điều giải, song không thành hiệu. Cánh Phúc-kiến họ ngang ngạnh lắm, họ đòi hiệu cờ hiệu nước, họ lại hạ lệnh bắt bọn Tưởng Uông và mấy yếu nhân ở Nam kinh để trừng trị những tội mất quyền nhục nước từ trước đến nay. Chính-phủ Nam kinh đã phái bộ binh xuống đóng ở biên giới Triết giang và Phúc-kiến, mặt thủy thì cũng đã phái tàu binh xuống song cũng còn muốn dùng thủ đoạn chính trị mà giải quyết, để mong tránh cái va nội chiến. Cánh Lương-Quảng họ cũng phản đối cuộc độc lập của Phúc-kiến song họ cũng yêu cầu Nam-kinh nên tự xét lỗi của mình, họ đòi Tưởng Uông phải từ chức. Tưởng Uông không chịu từ chức, song cũng đương phái đại biểu đi điều hòa với cánh Tây Nam (Lương-Quảng, Vân Nam) để mưu đồng tâm phẩy trừ cuộc độc lập ở Phúc-châu — Tại Nam-kinh thì đương rộn rịp để triệu tập một kỳ hội nghị từ toàn - Lâm-Xâm lĩnh chức Quốc phủ chủ tịch này xấp gần khóa, có phái bàn cứ để Lâm giữ chức ấy lại có phái vận động cho Hồ bán-Dân lên giữ chức Quốc-phủ chủ-tịch. — Tại miền bắc, thì có tin quân Nhật lại tràn sang tỉnh Sát-cáp-nhĩ mà chiếm mất vài nơi.

..

Tình hình mấy nước ở Âu - Châu

Ở Âu-Châu tuy chưa xảy ra việc súng lửa như ở Á-Châu, song cái ngòi chiến tranh thì ít lâu nay vẫn thấy ần phục, chưa biết sẽ phát tác lúc nào. Nước Đức từ khi Hitler lên cầm quyền, hết sức mưu cho tổ quốc lại khôi phục cái địa vị như mấy nước đại cường trước hồi Âu chiến 1914-1918.

Cho nên mới đây nhân đòi bình đẳng về các quyền

lợi với các nước chưa được, mà đã phất áo đứng dậy ra hội Quốc liên; họ lại đương thanh ngôn đòi lại các thuộc-địa cũ ở tay Liệt cường, mặt trong thì huấn luyện binh sĩ, khích lệ nhân dân, phải sẵn lòng hi sinh tính mệnh tài sản để thu hồi lấy cái địa vị cũ của nước Đức. Thái độ nước Đức như vậy, làm cho các nước Âu châu đều phải đặc biệt chú ý, và đều phải dự bị về chiến tranh cả, nhất là nước Pháp, lâu nay quốc chính đã không còn việc gì coi quan hệ hơn là việc quốc phòng. Các nước đã dự bị chiến tranh, quân phí phải bội tăng hơn trước, tiền tài của nước lại đem tống vào cái kho bị chiến cả, thế là nạn kinh tế khủng hoảng nhân đó càng kéo dài mãi ra. Nào có thể thôi, ông nhà giàu Bắc Mỹ lại còn cứ day dầy đòi nợ! Nước Pháp chỉ vì vấn đề tài chính, đã làm cho tòa nội các Daladier và Sarraut bị đổ, đến tòa nội - các Chautemps bây giờ thì cái nghị án tài chính vừa rồi đã có tin được nghị viện đồng ý, thế thì cũng tạm qua được bước khó khăn. Tại nước Tây-ban Nha thì phong trào quá khích nổi lên ầm ầm, trong tháng chạp tây mới rồi, nước ấy xảy ra nhiên cuộc biến động đến phải lưu huyết, đều do đảng viên búa liềm gây nên cả.

Việc trong nước

*Từ nay người Nam cứ ở Hanoi
cũng thi lấy được bằng Y-khoa bác-sĩ*

Nhân dịp Bắc-tuần mới rồi, Hoàng-thượng có đến khánh thành trường Y-khoa đại-học mới thành lập ở Hanoi do sắc lệnh của quan Tổng-thống Lebrun ký ngày 19 tháng 10 năm 1933.

Theo sắc lệnh này thì trường Y-khoa đại học ở Đông

đương chia ra 5 năm ; các sinh viên thi tốt nghiệp lấy bằng Y khoa bác-sĩ hay dược-sĩ ngay ở Hanoi. Hội đồng chấm thi sẽ do một giáo-sư ở trường Y học Paris cử sang, có hai viên giáo sư thực thụ ở trường y học Đông-Dương làm giám khảo. Những sinh viên nào chỉ có bằng tú-tài bản-xứ, thì khi tốt nghiệp trường thuốc được lĩnh những bằng bác-sĩ hay dược-sĩ riêng, khác với những bằng của các sinh viên có bằng tú-tài tây.

Đức Bảo-Đại đi Bình-Định

Trận bão ở Bình định và Phú-yên ngày 1 tháng 11 năm 1933, thiệt hại cho sinh mệnh và tài sản của nhân dân không biết chừng nào mà kể, vì vậy chính-phủ và quốc-dân đã mở những cuộc nghĩa quyên để cứu tế cho nạn dân trong muôn một ; hạ tuần tháng 12 tây vừa rồi, Hoàng Thượng lại cùng quan Khâm-sứ Thi-baudeau đi Bình định và Phú-yên để thăm những nơi bị hại và yên ủi nạn dân.

Mấy việc xử tại tòa án Đại-hình

Tòa đại hình họp ở Hanoi vừa rồi có đem nhiều việc ra xử, trong có mấy việc quan trọng này :

1. - Tên Georges Coudoux trước làm thanh tra mật thám bị thải, sau về coi đồn điền ở Vinh. Một người làm ruộng là Nguyễn văn Viên có vay của vợ hắn là cô Tám 150\$ Viên đã trả được ít nhiều chỉ còn 70\$ nữa. Vì cô Tám thúc mãi mà tình hình khó khăn, Viên phải đem gán cho cô Tám 2 cái thuyền và 4 bao gạo. Chẳng biết Viên cố ý hay vô tình, đóng gạo vào bao với làm không vừa lòng Coudoux, hai bên sinh sự cãi nhau. Coudoux sai người nhà trói Viên lại, rồi đánh đập, dấm đá mãi đến nỗi Viên chết. Viên chết rồi, Coudoux sai người nhà đem xác vào rừng chôn. Ít lâu việc

vỡ lở, Coudoux lại cùng người nhà đến đào thây lên chặt ra từng mảnh, vớt xuống sông Bèn-cua cho mất tích.

Trước phòng dự thẩm, tuy bọn thủ hạ bị bắt đều khai sự thực có như thế mà Coudoux vẫn chối. Ngày 15 Décembre 1933 tòa xử mãi đến 12 giờ đêm, sau tuyên tha cả cho Coudoux và các tông phạm.

2. — Vụ hai tên lính Lê-Dương giết tên Cai Nhuận, chuyên nghề bán thức ăn cho lính tây trong hồi biến động ở Nam-Đàn (Vinh) được trắng án.

3. — Tên Gionnantoni, quản lý đồn điền của bà Lacombe ở Đa-Cổc (Ninh-Bình) đánh chết Bùi đình Uyển cũng được tha bổng. Nguyên nhân chỉ vì: ngày 23 Juillet 1933, tên quản lý này thấy hai con bò vào ăn sắn trong đồn điền, anh ta mới cho bắt dốt vào chuồng, đòi chủ bò chuộc 10\$. Chủ bò chực đánh tháo, anh ta mới đánh cho dừ tử, chớ được đến nhà thương thì hồn lìa xác.



HỘP THƯ

Ông Phùng-văn-Uy Savannakhet. — Theo giá báo mới năm thứ hai (tức là từ số 20 trở đi) thì ngài mới trả được 2\$10, vậy còn thiếu 1\$00 nữa, nghĩa là hạn báo của ngài đến 15-6-34 thì hết.

Ông Huỳnh cao Ứng Cholon. — Văn học số 29 ông đã nhận được chưa, xin cho biết.

Ông Sao-Mai, Nam-dịnh. — Bài Đ. Đ. Đ. L. không thể đăng được. Xin gửi cho bài có ý vị hơn.

Ông Bùi-tự-Cầu Ninh-Bình. — Thế nào ? ông không trả lời cho mấy cái thư của tôi ư ?

Ông Lê thanh-Tuân Huế. — Tiền ông còn thiếu, ông không gửi trả cho ư ? Xin nhắc ông lần này là lần chót.

NHỮNG TRUYỆN LÝ-THÚ

TRÊN ĐÀN VĂN.



Vợ hay chữ hơn chồng

Ngày xưa, còn là buổi học nho, các cụ ta thường mở ra nhiều cuộc chơi văn cũng lý thú

Ở một làng về vùng kia, nhân tiến trùng thập, một ông đồ dạy trẻ, trong hàng tổng bày một cuộc đố chữ để cùng các bạn tiêu khiển.

Giữa đề một mâm rượu, một bên một quan tiền thưởng, và một cái trống châu; một bên một nghiên mực tàu và cái mõ. Ông đồ và các bạn vừa « chén » vừa đố chữ; hễ ai đáp trúng thì các ông đánh một dùi trống và thưởng tiền, ai đố sai thì các ông đánh vào mõ và lấy mực vòng mép.

Anh chàng nọ, nhà gần đấy, học mới võ vẽ mà lại có linh sắc, nhân thấy ra câu: Bối khiếm nhị điểm 貝欠二點 chẳng kịp suy nghĩ gì liền len vào vênh cái mặt lên đáp: chữ bối thiếu hai nét là chữ mực 目 chữ gì!

Anh vừa đáp xong thì ai nấy nghe tiếng « cốc » ở mõ, rồi chỉ nháy mắt đã thấy ở mép anh một vòng mực đen to, thì ra anh đã đố sai. Anh thẹn quá chạy ngay về nhà, kể chuyện lại cho vợ nghe.

Chị vợ bảo: « ối chao! chữ người ta đố đó là chữ tư. Tư 資 là nhờ, Chữ tư có chữ bối, chữ khiếm và hai điểm; thế mà nhà-ta lại bảo là chữ 目 thì làm sao chả bị vòng mép! »

Chồng gật đầu khen phải, lại chạy sang nhà cụ đồ nhưng đến nơi thì đã có một người khác lĩnh thưởng rồi!..... Anh đành lủi thủi về.....

K. S.

Ai cần kiêm Đại-lý trong Nam ?

Hiệu **THANH THANH** mới mở ở vào ba căn phố
lầu góc hai con đường lớn Saigon, N° 38 Rue Pellerin
và N°s 118 & 120 Boulevard de la Somme

Bán và làm Đại lý

a) Đủ các thứ văn phòng và học liệu ; Báo, chí và sách
vở bằng chữ Pháp văn và Quốc văn có giá trị.

b) Đủ các thứ giao, nhung, kỳ, quế, cao, đơn, hườn, tán,
và các thứ dầu có danh tiếng.

c) Các thứ tơ lụa do người mình chế tạo và hết thấy
các thứ hàng nội hóa khác.

Thư điểm, được phòng, và các nhà công nghệ
trong nước, nếu muốn cho hàng các ngài tiêu thụ
trong Nam xin viết thư cho :

Monsieur **HỒ HỮU NHÃ**

Chủ nhân hiệu **THANH THANH**

118 và 120 Boulevard de la Somme.

— SAIGON —

Nên đặc biệt chú ý là hiệu **THANH THANH** không những
xài số tiền lớn làm quảng cáo trong các báo chí ba kỳ, mà
lại còn phái 3 người **Commis Voyageurs** đi khắp lục-tỉnh để
cổ động những món hàng mà hiệu ấy nhận làm Đại lý



Trước khi giao thiệp
với các nhà băng, các
ngài nên xem quyển
sách « Công việc nhà
băng » của ông **Dương-
Tự-Nguyên** soạn thì các
ngài khỏi bị chậm trễ
về sự lĩnh tiền hoặc bị
trở ngại về việc buôn
bán, và các ngài làm
trong nhà băng không
thể cười các ngài là
nhà quê nữa. Bán tại :
Đông - Tây ấn - quán.
193, hàng Đông Hanoi
Giá **1\$20**, cước **0\$25**



CÁC NHÀ TU HÀNH,

CÁC NHÀ HỌC THỨC,

CÁC NHÀ NGHIÊN CỨU,

muốn hiểu rõ lý nghĩa đạo Phật

Xin hãy xem :

Viên-âm nguyệt san

của Hội Phật - Học — Hué

Nội dung **VIÊN-ÂM** giảng giải Phật pháp
rõ ràng, dễ hiểu, có mục luận đàn, diễn
đàn, dịch kinh, sự tích, tiểu-thuyết, thi-
lâm, hải đàm, vân vân.



Mỗi tháng xuất bản một kỳ.

Mỗi quyển : **0\$20** — Một năm : **2\$00**

Thư, từ, mandat mua nguyệt - san xin gửi
cho: **M. Lê Đình-Thám**, Médecin Indochinois
du Cadre Latéral — Hué Boîte postale N° 73.

Mới xuất bản SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ của M. ĐỖ-TRĂNG SẴN

Ai chưa biết Cờ ? — Muốn học.

Ai đã biết Cờ ? — Muốn cao.

Xin coi :

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

Dạy đủ cách

Ra quân cho được thạo, dàn quân cho khỏi bí.
Đi làm nước rất bí hiểm, khệp vào nhiều trận hay vô cùng
Muốn cao, các bạn nên xem

Sách DẠY ĐÁNH CỜ — Giá 0 \$ 20 — Cước thường 0 \$ 06

Bán tại : ĐÔNG-TÂY ẤN-QUÁN, 193, Phố hàng Bông — Hanoi

Mua một quyền gửi bằng timbres - postes cũng được.
nhớ thêm cả tiền cước

Riêng đọc-giả Văn-Học bạn trong một tháng xin trừ 5 xu 1 quyền

Quyền A B C rất tốt đã được Hội — Đồng duyệt sách duyệt
y cho dùng trong các trường và nhà nước mua dùng.

Ấy là quyền :

QUỐC NGỮ ĐÔNG PHƯƠNG

của Đoàn - Như - Khuê soạn

Sách dày 20 trang, có nhiều bài tập đọc về văn
bằng riêng và văn trắc riêng, lại có mẫu chữ để
tập viết — Bìa có cửa chương và các hình vẽ
về các đường (ligne), và bề mặt (surface), vân. vân.

Bán có 0 \$ 03 một quyền — Cước 0 \$ 03

Gửi bằng timbres postes cho :

ĐÔNG - TÂY, ẤN QUÁN 193, PHỐ HÀNG BÔNG — HANOI.

Mua nhiều sẽ có trừ nhiều hoa hồng từ 20% đến